

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT

PETRO MIỀN TRUNG

(Giấy CNĐKKD số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 491 / QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Trụ sở chính : Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : (84 - 0235) 394 7233

Fax : (84-0235) 394 7244

Website : www.petrocenter.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại : (84 - 24) 3972 4568

Fax : (84 - 24) 3972 4600

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 28) 7300 0688/3914 6924

Fax : (84 - 28) 3914 6924

Website : www.vndirect.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007 và thay đổi lần 17 ngày 08/12/2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán : PMG

Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu
niêm yết** : 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) cổ phiếu

**Tổng giá trị cổ phiếu
niêm yết theo mệnh giá** : 330.000.000.000 (Ba trăm ba mươi tỷ) đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3972 4568

Fax : (84-24) 3972 4600

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên công ty : **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Địa chỉ : Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3577 0781

Fax : (84-24) 3577 0787

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.....	8
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	9
1.3. Lạm phát.....	10
1.4. Lãi suất.....	11
1.5. Tỷ giá.....	11
2. Rủi ro về luật pháp.....	12
3. Rủi ro đặc thù.....	12
3.1. Rủi ro vận hành, cháy nổ.....	12
3.2. Rủi ro về sản lượng khí.....	12
3.3. Rủi ro về biến động giá năng lượng.....	12
3.4. Rủi ro về sản phẩm thay thế.....	13
4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán.....	13
5. Rủi ro trong công tác quản lý.....	14
6. Rủi ro cạnh tranh.....	14
7. Rủi ro về chính sách.....	14
8. Rủi ro khác.....	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1. Tổ chức niêm yết.....	15
2. Tổ chức tư vấn.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	17
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	17
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển.....	18
1.3 Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty.....	20
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	22
2.1. Đại hội đồng cổ đông.....	23
2.2. Hội đồng quản trị.....	23

2.3.	<i>Ban kiểm soát</i>	23
2.4.	<i>Ban Tổng Giám Đốc</i>	24
2.5.	<i>Các phòng ban, bộ phận</i>	25
2.5.1	<i>Phòng Hành chính tổng hợp</i>	25
2.5.2	<i>Phòng Tài chính – Kế toán</i>	25
2.5.3	<i>Phòng Kinh doanh</i>	25
2.5.4	<i>Phòng Xuất – Nhập khẩu</i>	26
2.5.5	<i>Phòng Kỹ thuật</i>	26
2.5.6	<i>Phòng Pháp chế</i>	26
2.5.7	<i>Phòng Đầu tư</i>	27
2.5.8	<i>Phòng An toàn chất lượng</i>	27
3.	Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông	27
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.	28
4.1.	<i>Công ty mẹ của tổ chức niêm yết: Không có</i>	28
4.2.	<i>Các công ty con của tổ chức niêm yết</i>	28
4.3.	<i>Công ty mà tổ chức niêm yết đang đầu tư</i>	29
5.	Hoạt động kinh doanh	30
5.1.	<i>Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty</i>	30
5.2.	<i>Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm</i>	38
5.3.	<i>Chi phí hoạt động kinh doanh</i>	41
5.4.	<i>Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới</i>	42
5.5.	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ</i>	43
5.6.	<i>Hoạt động Marketing</i>	43
5.7.	<i>Quản trị rủi ro</i>	43
6.	Nhãn hiệu thương mại, sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty	44
7.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	45
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	45
8.1.	<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	45
8.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i>	48

9. Vị thế của công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành và triển vọng phát triển của ngành	49
9.1. <i>Vị thế của công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành.....</i>	49
9.2. <i>Triển vọng phát triển của ngành.....</i>	50
9.3. <i>Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.</i>	52
10. Chính sách đối với người lao động	55
10.1. <i>Số lượng người lao động trong Công ty</i>	55
10.2. <i>Chính sách với người lao động.....</i>	55
11. Chính sách cổ tức	56
12. Tình hình hoạt động tài chính	56
12.1. <i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	56
12.2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	68
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	69
13.1. <i>Hội đồng quản trị.....</i>	69
13.2. <i>Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....</i>	72
13.3. <i>Kế toán trưởng.....</i>	74
13.4. <i>Ban Kiểm soát.....</i>	74
14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	77
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	78
16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	80
17. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua: Không có	80
18. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết: Không có	80
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có.....	80
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	81
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	81
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần	81
3. Mã chứng khoán: PMG.....	81
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 33.000.000 cổ phiếu	81
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết.....	81
6. Phương pháp tính giá	81

7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	83
8.	Các loại thuế có liên quan	84
8.1.	<i>Đối với Công ty.....</i>	84
8.2.	<i>Đối với nhà đầu tư.....</i>	84
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	86
1.	Đơn vị tư vấn	86
2.	Đơn vị kiểm toán	86
VII.	PHỤ LỤC.....	86

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2000 – 2018F	9
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2018F	10
Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
Hình 4: Cầu cảng V-Gas Đồng Nai.....	31
Hình 5: Các Tổng kho của Công ty	33
Hình 6: Dây chuyền sản xuất vỏ bình Gas	35
Hình 7: Nhà máy chiết nạp Gas Lâm Đồng	36
Hình 8: Nhà máy chiết nạp Vũng Tàu.....	37
Hình 9: Các sản phẩm của Công ty	37
Hình 10: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2015, 2016	48
Hình 11: 2011 – 2017F Nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam	50
Hình 12 : Dân số Việt Nam và tốc độ gia tăng dân số Việt Nam 2013 – 2020F	51
Hình 13: Vòng đời ngành khí và vị trí của Việt Nam	51

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 08/12/2017	27
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 08/12/2017	28
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ.....	38
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất	38
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp công ty mẹ	39
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất	40
Bảng 7: Cơ cấu Tổng doanh thu công ty mẹ	40
Bảng 8: Cơ cấu Tổng doanh thu hợp nhất.....	41
Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh của công ty mẹ	41
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất	42
Bảng 11: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	45
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ	46
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	47
Bảng 14: Một số đối thủ cạnh tranh của PMGAS	50
Bảng 15: Định hướng phát triển ngành khí Việt Nam	54
Bảng 16: Hệ thống kho chứa LPG	54

Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty tại 30/09/2017	55
Bảng 18: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ.....	57
Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty (hợp nhất).....	57
Bảng 20: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	58
Bảng 21: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	58
Bảng 22: Chi tiết các quỹ Công ty	59
Bảng 23: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty mẹ	59
Bảng 24: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty (hợp nhất)	60
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ.....	61
Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu Công ty (hợp nhất).....	64
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ.....	65
Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả Công ty (hợp nhất).....	67
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính trên BCTC hợp nhất.....	68
Bảng 30: Tình hình tài sản của Công ty 31/12/2016.....	77
Bảng 31: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty.....	78
Bảng 32: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018.....	78
Bảng 33: Giá trị sổ sách của cổ phiếu PMG.....	82
Bảng 34: Thông tin so sánh của một số Doanh nghiệp cùng ngành	82

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Sau hơn 08 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, kinh tế toàn cầu đang có xu hướng phục hồi tuy nhiên tốc độ còn chậm và không đều. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2014, năm 2015 lần lượt là 3,4% và 4%. Nhưng sang đến năm 2016, những biến động chính trị đã tác động trực tiếp đến các nền kinh tế, GDP toàn cầu của năm này tụt xuống còn 3,1%¹ do tác động của những sự kiện sau.

- Đầu tiên là việc nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh Châu (Brexit) dẫn đến đồng Bảng có đợt sụt giảm tồi tệ nhất trong một ngày (24/06/2016) mất hơn 10% giá trị so với đồng Đô la Mỹ và ở mức thấp kỷ lục trong vòng 31 năm trở lại đây². Brexit gây ra hàng loạt thay đổi lớn trong nền kinh tế không chỉ của EU, Anh Quốc mà còn cả thế giới như Nước Anh không còn là trung tâm tài chính thế giới, hầu hết các công ty lớn phải thiết lập lại hệ thống tổ chức của mình. Tiếp theo, sự bất ổn kinh tế này làm chậm lại quá trình tăng trưởng kinh tế thế giới, gia tăng khuynh hướng bảo hộ, cản trở tốc độ tăng trưởng thương mại đầu tư toàn cầu trong dài hạn, các nhà đầu tư không còn quan tâm nhiều đến cổ phiếu và trái phiếu chính phủ. Bên cạnh đó, Brexit sẽ làm giảm thương mại, đầu tư và năng suất lao động trên quy mô toàn cầu, kết chỉ tính riêng nước Anh Brexit làm giảm thu nhập trên đầu người ở nước Anh trong khoảng từ 6,3% - 9,5%.
- Cùng với sự kiện Brexit, việc ông Donald Trump trở thành Tổng thống Mỹ vào ngày 08/11/2016 đã làm dấy lên những lo ngại về những chính sách kinh tế, thương mại đi ngược lại hoàn toàn với khuynh hướng toàn cầu hóa: loại bỏ các hiệp định thương mại đa phương như Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) và chỉ coi trọng các hoạt động thương mại song phương....
- Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới – Trung Quốc cũng có một năm đầy khó khăn. Tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 6,7% mức thấp nhất trong 26 năm. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, Trung Quốc đang phải đối mặt với những khó khăn khi đồng nhân dân tệ bị mất giá 6,6% so với đồng Đô La Mỹ, nợ công tăng nhanh ở mức báo động và thị trường chứng khoán lao dốc dẫn đến hành động ngắt giao dịch của chính phủ. Năm 2017 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, khi các chuyên gia cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của Trung

¹ <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2017/update/01/pdf/0117.pdf>

¹ <http://vov.vn/kinh-te/thi-truong/hau-brexit-dong-bang-anh-truot-doc-khong-phanh-529479.vov>

Quốc chỉ ước đạt 6,5%. Sự biến động của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sẽ khiến nền kinh tế khu vực có nhiều bất ổn và khó dự báo.

- Một vấn đề đáng chú ý nữa là Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và Nga đã ký kết thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu mỏ xuống 1,2 triệu thùng/ngày. Đây là sự kiện tác động không nhỏ đến kinh tế thế giới. Sau khi OPEC và Nga ký kết thỏa thuận cắt giảm sản lượng khai thác dầu mỏ, giá dầu tăng giá (từ 45 USD/thùng lên 52 USD/thùng), tương đương với mức tăng 15,5%. Điều này sẽ đẩy các nền kinh tế dựa nhiều vào xuất khẩu dầu mỏ phải chịu nhiều áp lực vì thiếu nguồn thu.

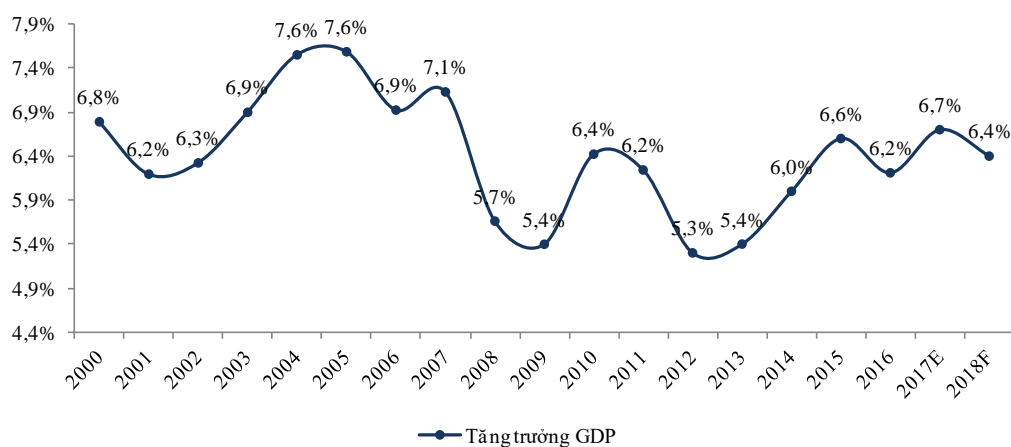
Đối với triển vọng kinh tế năm 2017, IMF đã dự báo tăng trưởng GDP khu vực đồng tiền chung Châu Âu sẽ đạt 2,4% trong năm 2017; trong khi đó, nền kinh tế Châu Á sẽ giảm nhẹ còn 6,2%. Nền kinh tế nhóm 05 nước khu vực Đông Nam Á (Indonesia, Thái Lan, Philip-pin, Malaysia và Việt Nam) được dự báo chỉ đạt 4,9% trong năm 2017 (giảm 0,2% so với mức dự báo tháng 10/2016)³

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam đang dần có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng làm cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2000 – 2018F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

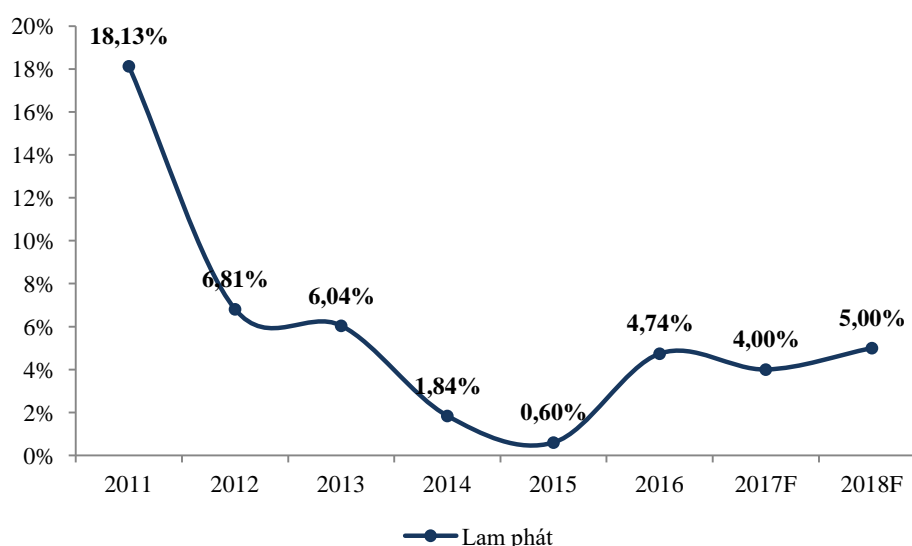
Trước sự bất ổn của nền kinh tế Thế giới làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Nổi bật trong giai đoạn 2014 - 2016, Việt Nam đã tham gia, ký kết 12 hiệp định thương mại tự do lớn nhỏ với các nước. Những chính sách mà Chính phủ đưa ra đã phát huy tác dụng và đưa nền kinh tế Việt Nam trở lại đà tăng trưởng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2014 cũng như hãng tin kinh tế tài chính lớn nhất thế giới – Bloomberg, với mức tăng trưởng GDP 5,9% năm 2014, Việt Nam đã chính thức trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 02 thế giới sau Trung Quốc. Đến năm 2015, Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP 6,68%, vượt qua mục tiêu 6,2% của Chính phủ. Bước sang năm 2016, dù không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% nhưng với tốc độ tăng trưởng GDP 6,2% cho thấy Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Châu Á.

Dự báo tăng trưởng GDP giai đoạn 2017 – 2020 sẽ tiếp tục khả quan và duy trì được tốc độ phát triển 6,3%/năm. Nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố tích cực như cải cách mạnh mẽ, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

1.3. Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ (CSTT), phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014 và 0,6% năm 2015³.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2018F



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

³ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/lam-phat-2011-den-nay-con-so-va-du-bao-84135.html>

Giai đoạn 2011-2015 đánh dấu thời kỳ giữ lạm phát ổn định ở mức thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 - 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 - 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô.

1.4. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2 – 0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7 – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3 – 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5 – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (dưới 01 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 03 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm 2015 có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh.

Năm 2016, các chỉ tiêu tiền tệ biến động đúng định hướng NHNN đề ra từ đầu năm. Mặc dù có áp lực tăng nhưng với việc thực hiện linh hoạt các giải pháp của NHNN, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định, một số TCTD giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay năm 2016 phổ biến khoảng 6,8% - 9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng có xếp hạng tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ưu đãi có thể nằm trong khoảng 4-5%/năm.

1.5. Tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện giao dịch trong nước và các giao dịch với đối tác nước ngoài đều chủ yếu sử dụng bằng đồng nội tệ do đó rủi ro về ngoại hối sẽ không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Pháp luật và môi trường pháp lý có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm khí, do vậy, Công ty chịu sự điều chỉnh của các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật dầu khí...các pháp luật liên quan. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của Việt Nam cũng như cơ chế quản lý vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự điều chỉnh có thể sẽ xảy ra. Đặc biệt, Bộ Công Thương đã ký Nghị định 19/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng. Tuy nhiên, sau khi triển khai áp dụng đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, do đó Bộ Công Thương đang tiến hành lấy ý kiến sửa đổi bổ sung. Sự thay đổi về mặt chính sách đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro vận hành, cháy nổ

Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, phân phối khí và các sản phẩm khí thì sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, con người, môi trường, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường là mục tiêu hàng đầu. Trong quá trình hoạt động, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động của mình. Định kỳ, Công ty đều mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc cho toàn bộ tài sản của PMG tại các công ty bảo hiểm (Năm 2017, Công ty đã mua bảo hiểm số QNA.D01CF.17. 819913 với CTCP Bảo Việt Quảng Nam).

3.2. Rủi ro về sản lượng khí

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty là nhập khẩu từ các nước và thu mua từ các đơn vị phân phối trong nước. Nếu sản lượng khí khai thác được của các nước thấp hơn so với dự báo sẽ có rủi ro tăng giá khí, hạn chế nguồn cung. Tuy nhiên, PMG đã có những cam kết với các nhà cung cấp khí và Công ty cũng có những nguồn cung cấp khí thay thế để có thể bù đắp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào trong trường hợp thị trường khí diễn biến không thuận lợi.

3.3. Rủi ro về biến động giá năng lượng

Giá nguyên liệu, sản phẩm công ty nhập khẩu và thu mua như LPG (Gas) biến động theo giá thị trường thế giới. Cụ thể, Giá LPG nhập khẩu trong nước là giá hợp đồng Saudi Armaco, thường gọi tắt là giá CP Saudi. Giá CP Saudi lại chịu ảnh hưởng lớn từ giá dầu mỏ. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố khác tác động vào giá LPG như tỷ giá hối đoái, phí vận chuyển, khối lượng kinh doanh, tính mùa vụ, thuế và các vấn đề chính trị làm gián đoạn nguồn cung. Do đó, nếu có biến động đột ngột với mức độ lớn có thể tác động tới kết quả kinh doanh của Công ty. Giá khí được hình thành dựa trên một số nhân tố như theo giá dầu, giá khí cạnh tranh, thỏa thuận mua bán hoặc theo chính phủ quy định. Cụ thể:

Theo giá dầu: Giá khí được liên kết thông qua giá cơ sở với những điều khoản theo biến động của giá nhiên liệu cạnh tranh, thông thường là dầu thô hoặc dầu nhiên liệu.

Theo giá khí cạnh tranh: Giá khí được xác định bởi cung cầu và được giao dịch qua nhiều giai đoạn khác nhau (hàng ngày, hàng tháng, hàng năm hoặc các giai đoạn khác). Giao dịch diễn ra tại trung tâm giao dịch (như Hub Henry) hoặc trung tâm thông tin (như NBP ở Anh). Không phải tất cả khí đều được mua và bán trên cơ sở giá cố định ngắn hạn và sẽ có hợp đồng dài hạn hơn nhưng chúng sẽ sử dụng các chỉ số giá khí để xác định giá hàng tháng (không phải chỉ số nhiên liệu cạnh tranh)

Theo thỏa thuận mua bán: Giá được xác định thông qua thỏa thuận song phương giữa một người bán lớn và một người mua lớn, với mức giá được ấn định trong một khoảng thời gian – thường là một năm. Có thể có hợp đồng bằng văn bản nhưng thường sự sắp xếp này nằm ở cấp Chính phủ hoặc công ty Nhà nước. Thông thường sẽ có một người mua hoặc người bán chiếm ưu thế về ít nhất một mặt của giao dịch để phân biệt với giá khí cạnh tranh.

Theo sản phẩm đầu ra: Giá mà nhà cung cấp khí nhận được là một hàm số của giá mà người mua nhận được cho sản phẩm cuối cùng mà người mua sản xuất. Điều này có thể được xảy ra khi khí được sử dụng làm nhiên liệu trong các nhà máy hóa học, như amonia hoặc methanol, và là chi phí biến đổi lớn trong sản xuất sản phẩm.

Nhằm hạn chế những tác động của biến động giá năng lượng thế giới, Công ty luôn chủ động trong việc nhập hàng cũng như dự trữ nguyên liệu để tránh bị tình trạng thiếu hụt hay dư thừa, tiết giảm chi phí vận chuyển, nâng cao năng lực và kỹ thuật của đội ngũ CBCNV, thường xuyên đầu tư, áp dụng các công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh....

3.4. Rủi ro về sản phẩm thay thế

Định hướng phát triển nguồn năng lượng tái tạo dần thay thế nguồn năng lượng hóa thạch truyền thống sẽ dẫn tới rủi ro lớn cho nguồn năng lượng hóa thạch hiện tại nói chung và ngành khí Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, nguồn năng lượng tái tạo mặc dù có lợi thế là nguồn năng lượng vô hạn, nhưng độ ổn định thấp hơn nguồn năng lượng hóa thạch. Do đó, việc phát triển năng lượng tái tạo sẽ cần phải tiến hành đồng thời với nhiên liệu hóa thạch sạch là lựa chọn để duy trì sự bền vững cho nền năng lượng quốc gia. Hơn nữa, khí LPG lại là nhiên liệu sạch và rẻ sử dụng trong đun nấu và sinh hoạt hàng ngày, do đó khó có nguồn năng lượng nào thay thế đáp ứng đủ điều kiện thuận tiện, giá rẻ và sạch, đáp ứng nhu cầu của số đông bộ phận dân cư như LPG.

4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu được xác định dựa theo cung và cầu của thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Các cổ đông của Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu. Ngoài tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thì có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của PMG, ví dụ như tình hình kinh tế, xã hội nói chung, các ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp từ thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán hoặc các sự kiện khác không lường trước được. Sự biến động tiêu cực của giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của Công ty cũng như có thể gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

5. Rủi ro trong công tác quản lý

Với việc sở hữu các công ty con khiến cho Công ty có rủi ro trong công tác quản lý, quản trị, điều hành các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, với kinh nghiệm đã có từ trước tới nay cùng sự tương ứng về ngành nghề kinh doanh giữa các công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung sẽ hạn chế được các rủi ro trong việc quản lý và quản trị các đơn vị thành viên.

6. Rủi ro cạnh tranh

Với lợi thế về hệ thống cầu cảng, kho bãi để nhập khẩu và tích trữ khí LPG như cầu cảng tại sông Đồng Nai, Công ty có thể nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1500 tấn/lần nên Công ty có lợi thế về tính ổn định của nguồn cung trong nước với giá rẻ. Đồng thời qua 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã tạo dựng được thương hiệu của mình tại khu vực miền Trung Tây Nguyên.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải một số cạnh tranh nhất định từ các đối thủ cạnh tranh như:

- Cạnh tranh trực tiếp với các tập đoàn đa quốc gia, các hãng Gas lớn có tiềm lực về vốn, về kinh nghiệm trong sản xuất, quản lý và điều hành. Để có thể duy trì và phát triển trên thị trường, Công ty phải củng cố và nâng cao năng lực quản lý, tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Cạnh tranh với các hãng Gas lớn khi các hãng này đã khấu hao xong bình gas, thiết bị so với sự đầu tư mới của Công ty.
- Cạnh tranh gián tiếp với các nguồn nhiên liệu thay thế: nguồn năng lượng tái tạo đang được đưa vào sử dụng để thay thế cho nguồn năng lượng hóa thạch.

7. Rủi ro về chính sách

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng, là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và khá đặc thù nên sự thay đổi về chính sách sẽ có ảnh hưởng không nhỏ lên các công ty trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung nói riêng. Nghị định 19/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng nhằm khuyến khích kinh doanh đối với cơ sở LPG vừa và nhỏ. Theo đó, một số nội dung của Nghị định mới sẽ làm chuyển biến thị trường LPG. Điều kiện kinh doanh được nới lỏng hơn như giảm sức chứa các bồn LPG tối thiểu xuống còn 300 m³ đối với thương nhân phân phối LPG chai hay giảm số lượng chai LPG 12 kg từ 300.000 chai (theo Nghị định 107/2009/NĐ-CP) xuống còn 150.000 chai (theo Nghị định 19/2016/NĐ-CP). Việc nới lỏng các điều kiện kinh doanh sẽ giúp cho thị trường có nhiều công ty có tiềm lực tài chính khiêm tốn được gia nhập thị trường

8. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, khủng bố... là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài quyền kiểm soát của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến nguồn cung đầu vào và việc phân phối các sản phẩm khí đầu ra của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Đại diện:

Ông: **Nguyễn Tiến Lãng** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Bà: **Nguyễn Thị Bích Thùy** Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Bà: **Trần Thị Kim Huệ** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Bà: **Nguyễn Thị Linh Thường** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện:

Ông **Nguyễn Hoàng Giang** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty, PMGAS, PMG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTCK	Thị trường chứng khoán
VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ
LPG	Liquefied Petroleum Gas, hỗn hợp hydrocacbon nhẹ, thể khí hóa lỏng, dùng làm chất đốt.
LNG	Liquefied Natural Gas, khí tự nhiên được hóa lỏng
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
DTD	Tổng doanh thu
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
LNST	Lợi nhuận sau thuế
UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Tên giao dịch quốc tế	:	PETRO CENTER CORPORATION
Tên viết tắt	:	PETRO MIEN TRUNG CO.,JSC
Trụ sở chính	:	Lô 4, khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại	:	(84 - 0235) 394 7233
Fax	:	(84 - 0235) 394 7244
Website	:	http://petrocenter.com.vn/
Logo	:	
Giấy CNĐKKD	:	Giấy đăng ký doanh nghiệp số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017
Vốn điều lệ hiện tại	:	330.000.000.000 đồng
Vốn thực góp hiện tại	:	330.000.000.000 đồng
Tài khoản ngân hàng	:	0651000490797
Nơi mở	:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Quảng Nam

Theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần 17 ngày 08/12/2017, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

TT	Tên ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic

6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
7	Vận tải hành khách đường bộ khác
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
10	Bán buôn đồ uống
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
12	Đại lý, môi giới, đấu giá
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

(Nguồn: PMGAS)

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007.

Doanh thu bán hàng của Công ty khi mới thành lập (năm 2007) chỉ ở 500 triệu đồng, nhưng đến năm 2016, con số này đã đạt đến 469 tỷ đồng. Năm 2016, Công ty đã xây dựng thành công thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, Vgas và tiến hành đầu tư vỏ bình thương hiệu PM Gas với số lượng 1.200.000 vỏ, giá thành mỗi vỏ bình khoảng 450.000 đồng (tương đương mức đầu tư hơn 540 tỷ đồng). Định hướng của Công ty là đẩy mạnh thị phần PM Gas, Picnic Gas, Vgas, rộng khắp cả nước. Bước đầu, tháng 10 năm 2014, công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas tại Đồng Nai, từng bước dần khẳng định thương hiệu của mình.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được điều hành bởi những thành viên có tâm huyết, chuyên môn cao. Ban Tổng Giám đốc gồm những cán bộ có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm khí và chiết xuất. Với phương châm hoạt động “GAS MIỀN TRUNG RA ĐỜI ĐỂ PHỤC VỤ”, Công ty đã đầu tư đồng bộ, chuyên môn hóa cao, nâng cao năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường; mang lợi nhuận cho cổ đông; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; góp phần tạo nguồn thu cho Ngân sách tỉnh.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là một trong những thương hiệu uy tín của thị trường gas Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, và là đầu mối cung ứng gas cho thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Trong những năm qua, dưới sự ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự biến động về giá gas thế giới tác động đến giá cả gas trong nước và sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành gas đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của công ty. Đứng trước những khó

khẩn trên, ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng làm tốt công tác thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu, tạo sự gắn kết đồng lòng của lực lượng cán bộ công nhân viên... đã giúp Công ty luôn hoàn thành tốt các kế hoạch đề ra. Doanh thu và lợi nhuận Công ty tăng trưởng theo từng năm. Đến nay, Công ty đã thiết lập được một mạng lưới phân phối gas rộng rãi để đảm bảo cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng trong thời gian nhanh nhất và với giá cả cạnh tranh nhất. Nhờ sự mạnh dạn đầu tư mạng lưới, Công ty đã có nhiều khách hàng lớn như Nhà máy Gạch Đông Tâm, Dầu khí Quảng Bình, DNTN Dịch Vụ Gas Hạnh Nguyên, Công ty TNHH Dầu Khí Xanh, Công ty TNHH Hoàng Ân Tây Ninh, Công Ty TNHH Tân Nhà Việt, ngoài ra công ty còn có một hệ thống đại lý khách hàng tiềm năng tiêu thụ và bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng khắp Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên



Để phát triển mạng lưới và đạt được mức tăng trưởng lớn hơn trong tương lai, Công ty đã đầu tư vốn vào các công ty lớn và có uy tín hoạt động trong cùng lĩnh vực như:

- Công ty TNHH Gas Miền Trung (tại Quảng Nam) với giá trị vốn góp là 47.000.000.000 đồng, chiếm 94,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Gas Miền Trung;
- Công ty TNHH Trung Nam (tại TP. Hồ Chí Minh) với giá trị vốn góp là 14.250.000.000 đồng, chiếm 95,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Nam;
- Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas (tại Đồng Nai) với giá trị vốn góp là 130.000.000.000 đồng, chiếm 57,78% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas;
- Công ty cổ phần Thương mại V-Gas (tại Đồng Nai) với giá trị vốn góp là 99.500.000.000 đồng, chiếm 14,42% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại V-Gas.

(Nguồn: PMGAS)

1.3 Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty

Từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty thực hiện 04 đợt tăng vốn điều lệ, cụ thể:

➤ **Đợt 1: Tăng vốn 10 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng (Tháng 10/2008):**

Số lượng cổ phiếu phát hành	:	150.000 cổ phiếu
Giá phát hành	:	100.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	15 tỷ đồng
Số lượng nhà đầu tư được phân phối	:	01
Cơ quan chấp thuận phát hành	:	Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam, và ĐHĐCĐ của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Mục đích sử dụng vốn	:	Bổ sung vốn lưu động

➤ **Đợt 2: Tăng vốn 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng (Tháng 12/2013):**

Số lượng cổ phiếu phát hành	:	250.000 cổ phiếu
Giá phát hành	:	100.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	25 tỷ đồng
Hình thức phân phối	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Số lượng nhà đầu tư được phân phối	:	03
Cơ quan chấp thuận phát hành	:	Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam, và ĐHĐCĐ của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Mục đích sử dụng vốn	:	Bổ sung vốn lưu động

➤ **Đợt 3: Tăng vốn 50 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng (Tháng 07/2014):**

Số lượng cổ phiếu phát hành	:	1.300.000 cổ phiếu
Giá phát hành	:	100.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	130 tỷ đồng
Hình thức phân phối	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Số lượng nhà đầu tư được phân phối	:	03 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành	:	Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam, và ĐHĐCĐ của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Mục đích sử dụng vốn	:	Đầu tư vào các công ty trong ngành

➤ **Đợt 4: Tăng vốn 180 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng (Tháng 11/2016):**

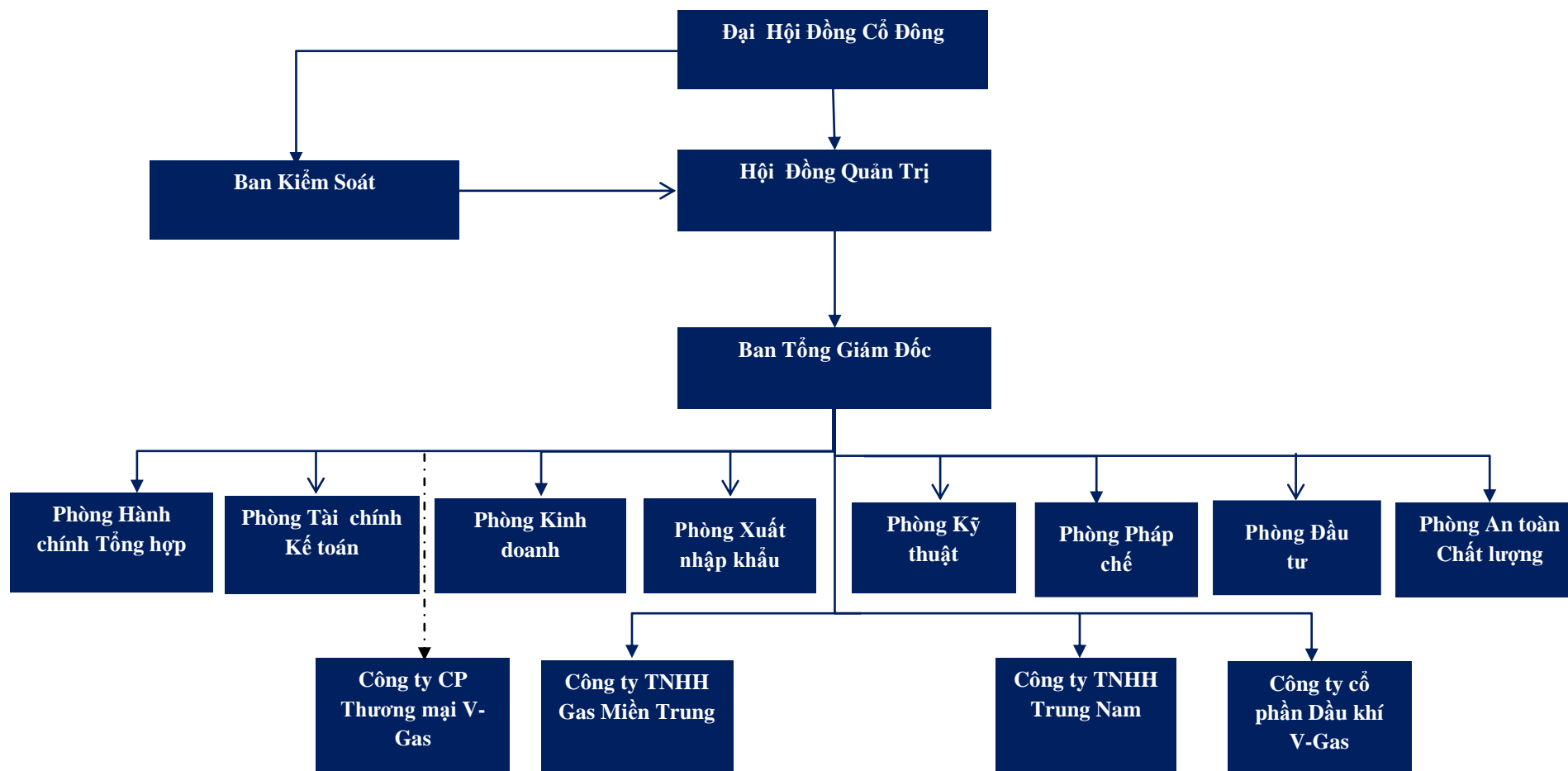
Số lượng cổ phiếu phát hành	:	15.000.000 cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành	:	150 tỷ đồng
Hình thức phân phối	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Số lượng nhà đầu tư được phân phối	:	03 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành	:	Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam, và ĐHĐCĐ của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Mục đích sử dụng vốn	:	Góp vốn để tăng tỷ lệ sở hữu của các công ty trong ngành

Ngày 19/12/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà Nước đã ban hành Công văn số 8446/UBCK – GSĐC chấp thuận tư cách công ty đại chúng của công ty.

(Nguồn: PMGAS)

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: PMGAS)

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần.
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty.
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Nguyễn Tiến Lãng

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Bích Thùy

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Hàn Kiều Minh Phương

Thành viên độc lập HĐQT

2.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

Trần Thị Kim Huệ	Trưởng ban
Lê Thị Hồng Trang	Kiểm soát viên
Trần Thị Quyên	Kiểm soát viên

2.4. Ban Tổng Giám Đốc

Do HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chỉ huy mọi mặt sản xuất kinh doanh của công ty. Quản lý điều hành hoạt động của công ty theo chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước. Xây dựng các kế hoạch, mục tiêu, tiêu chuẩn, chiến lược kinh doanh công ty, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh hoạt động của các bộ phận theo từng nhiệm vụ chức năng cụ thể được giao.
- Phó Tổng Giám đốc kinh doanh, marketing chịu trách nhiệm soạn thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc sản xuất kinh doanh. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, lên kế hoạch chăm sóc khách hàng cũng như tăng cường khách hàng mới.
- Phó Tổng Giám đốc điều hành thực hiện việc tham mưu cho Tổng Giám đốc, quản lý chung và đảm bảo tính chính xác của các số liệu và tình hình tài chính công ty như thu, chi, công nợ, các khoản phải nộp Nhà nước.
- Phó Tổng Giám đốc nhân sự thực hiện tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức lao

động, sắp xếp bố trí nhân sự, tuyển dụng nhân viên, đề bạt cán bộ quản lý, giải quyết các chế độ chính sách cho công nhân viên.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc như sau:

Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng Giám đốc
Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc

2.5. Các phòng ban, bộ phận

2.5.1 Phòng Hành chính tổng hợp

- Lựa chọn những ứng cử viên xuất sắc đáp ứng nhu cầu nhân sự chất lượng cao.
- Trong quan hệ nhân sự, mục tiêu của Phòng phải nâng cao mối quan hệ hợp tác giữa người lao động và người sử dụng lao động dựa trên chính sách và quy định của Công ty. Khẩn trương, kịp thời nắm bắt những thách thức, khó khăn của người lao động, đồng thời tìm phương án giải quyết phù hợp nhất.
- Tham mưu và điều phối công tác đào tạo và phát triển nhân sự. Phòng nhân sự sẽ hỗ trợ và hướng dẫn các Trưởng/phó bộ phận, giám sát có phương pháp và kỹ năng đào tạo (training) và huấn luyện kèm cặp (coaching) nhân viên của đơn vị mình.
- Xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá năng lực nhân viên (KPIs), lương thưởng, đãi ngộ một cách công bằng và minh bạch.
- Phối hợp cùng các đơn vị phòng ban triển khai Văn hóa Doanh nghiệp để đem lại tính hiệu quả cao nhất.

2.5.2 Phòng Tài chính – Kế toán

- Thực hiện việc kiểm soát tình hình tài chính của Công ty theo quy chế quản lý tài chính của nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Xây dựng và thực thi các chính sách bán hàng, chiến lược tài chính trong Công ty phù hợp với chiến lược chung toàn Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn hàng năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch kinh doanh toàn Công ty.
- Ghi chép, tính toán và phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản trong Công ty theo chế độ kế toán của nhà nước và theo quy định của Công ty.
- Cung cấp các số liệu cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh trong Công ty.
- Lập các báo cáo cần thiết theo yêu cầu quản lý của nhà nước và của Công ty.
- Lưu trữ và bảo mật thông tin tài chính trong Công ty.
- Hướng dẫn các phòng ban trong việc hoàn tất các chứng từ kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

2.5.3 Phòng Kinh doanh

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế

hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban giám đốc xem xét phê duyệt.

- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm.
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.5.4 Phòng Xuất – Nhập khẩu

- Tham mưu giúp ban giám đốc công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu.
- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc công ty và theo quy định của pháp luật.
- Định hướng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định.
- Thực hiện chức năng quản lý thương hiệu của công ty. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và các nước, vùng lãnh thổ mà Công ty có khả năng xuất khẩu.
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan để giới thiệu, chào bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty tại các hội chợ triển lãm nước ngoài, khảo sát thị trường.

2.5.5 Phòng Kỹ thuật

- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị, hệ thống phụ trợ.
- Xây dựng chương trình bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh cho các máy móc thiết bị sản xuất và hệ thống phụ trợ trong công ty.
- Trực tiếp vận hành hệ thống phụ trợ, đảm bảo cung cấp điện, nước, khí nén, không khí sạch phục vụ sản xuất.
- Quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, sửa chữa và bảo trì nhà xưởng.
- Tổ chức tự thanh tra nội bộ, đánh giá nhà cung cấp và công tác thẩm định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.5.6 Phòng Pháp chế

- Tổ chức cập nhật, lưu trữ và cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty cho các Phòng/Ban, Công ty thành viên.
- Định kỳ đề xuất tổ chức tuyên truyền các quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chỉ đạo chung.
- Hỗ trợ về mặt pháp lý cho các phòng ban khi có yêu cầu theo quy định, trong quá trình thực hiện các quy định và pháp luật của Công ty.
- Đại diện theo ủy quyền tiến hành làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về mọi hoạt động pháp lý của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.5.7 Phòng Đầu tư

- Quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện, thi công và giám sát các dự án của khách hàng và đối tác mà công ty làm nhà thầu.
- Quản lý vật tư, hàng hóa tại công trình.
- Đảm bảo an toàn lao động tại công trình.
- Công tác quản lý chất lượng công trình, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán công trình theo đúng quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.5.8 Phòng An toàn chất lượng

- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo chất lượng của công ty.
- Soạn thảo và ban hành các chiến lược về chính sách chất lượng, truyền đạt các chính sách tới từng bộ phận, đảm bảo chính sách này được thực thi.
- Kiểm tra, điều tra, ra quyết định xử lý các sự cố kỹ thuật có liên quan đến chất lượng sản phẩm.
- Quản lý và kiểm tra tất cả các hồ sơ liên quan chất lượng sản phẩm của Công ty, các quy chế ngành và các văn bản hướng dẫn khác.
- Tham gia công tác huấn luyện về an toàn lao động và sử dụng thiết bị máy móc cho nhân viên được phân công mới và đào tạo lại cho nhân viên.
- Xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động và triển khai thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCC.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

3. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

**Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần
tại thời điểm 08/12/2017**

TT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tiến Lãng	025473008	8G KP5, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	11.550.000	35
2	Nguyễn Thị Bích Thùy	201300482	351 Phan Chu Trinh, Hải Châu, TP Đà Nẵng	4.950.000	15
Tổng cộng				16.500.000	50

(Nguồn: PMGAS)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Do đó, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 08/12/2017

TT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước	318	33.000.000	330.000	100
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	318	33.000.000	330.000	100
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
Tổng cộng		318	33.000.000	330.000	100

(Nguồn: PMGAS)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

4.1. Công ty mẹ của tổ chức niêm yết: Không có

4.2. Các công ty con của tổ chức niêm yết

❖ CTCP Dầu khí V-Gas

Địa chỉ	:	Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	3603202837
Vốn điều lệ của CTCP Dầu khí V-Gas	:	225.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn	:	57,78%/Vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Kinh doanh khí hóa lỏng

❖ Công ty TNHH Gas Miền Trung

Địa chỉ	:	Lô số 6, Khu Công nghiệp Điện Nam,
---------	---	------------------------------------

Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã
Điện Bàn, Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	4000354775
Vốn điều lệ của CT TNHH Gas Miền Trung	:	50.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn của PMG tại Công ty	:	94,00%/Vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Kinh doanh khí hóa lỏng

❖ **Công ty TNHH Trung Nam**

Địa chỉ	:	8G khu phố II, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	0302137561
Vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Nam	:	15.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn của PMG tại Công ty	:	95,00%/Vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Kinh doanh khí hóa lỏng

4.3. Công ty mà tổ chức niêm yết đang đầu tư

Công ty Cổ phần Thương mại V-Gas

Địa chỉ	:	Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	3603435616
Vốn điều lệ của CTCP Thương mại V-Gas	:	690.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu vốn của PMG tại V-gas	:	14,42%/Vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Kinh doanh khí hóa lỏng

Những công ty mà PMG tham gia góp vốn đều là các đơn vị có đã có quá trình hoạt động lâu dài, hạ tầng cơ sở và hạ tầng kỹ thuật lớn, vững chắc, đã khẳng định được thương hiệu và thị phần tại các tỉnh miền trung và khu vực Miền Nam, đồng bằng sông Cửu Long.

Điển hình như CTCP Dầu khí V-Gas, tiền thân là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Thái Lan, hoạt động từ năm 1993 trên diện tích 29.851m² đất tại TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công ty có hệ thống cầu cảng duy nhất trong khu vực có thể đón tàu chở khí Gas; hệ thống tổng kho với sức chứa 2.000 tấn; 01 nhà máy sản xuất bình Gas với công suất 120.000 bình/năm được đặt tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1 – Tân Thành- Bà Rịa Vũng Tàu; nhà máy chiết nạp Gas tại Biên Hòa, Đồng Nai, Đức Trọng Lâm Đồng, Vũng Tàu công suất chiết nạp 12.000 tấn/năm. Thương hiệu Vgas đã được thị trường Miền Nam và đồng bằng sông Cửu Long biết đến từ rất lâu.

Công ty TNHH Gas Miền trung, có quá trình hoạt động kinh doanh về Gas gần 20 năm với kho có dung tích hơn 500 m³, nhà máy chiết nạp Gas công suất 12.000 tấn/năm Tại khu công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc tỉnh Quảng Nam. Công ty trực tiếp đầu tư và quản lý dự án tổng kho, cầu cảng tại Tam Hiệp Kỳ Hà Chu lai tỉnh Quảng Nam có sức chứa hơn 5.000 m³; hệ thống chiết nạp công suất 36.000 tấn/năm; hệ thống cầu cảng riêng có thể đón tàu có trọng tải từ 5000- 20.000 DWT. Thương hiệu sở hữu là Picnic đã được khẳng định và chiếm thị phần rất lớn tại khu vực Miền Trung.

Công ty TNHH Trung Nam thành lập 27/10/2000 có trụ sở tại Quận 12, TP. HCM là doanh nghiệp có quá trình hoạt động về lĩnh vực Gas gần 20 năm, với hệ thống phân phối tại khu vực TPHCM và các vùng phụ cận, là cầu nối để phát triển thị phần tại khu vực TP.HCM

Công ty Cổ phần Thương Mại V-Gas là doanh nghiệp lớn, có các dự án và hệ thống đối tác uy tín trong lĩnh vực kỹ thuật, hạ tầng và phân phối khí Gas khắp cả nước, là đối tác tiềm năng trong chiến lược hoạt động và mở rộng thị phần của Petro Miền trung.

5. Hoạt động kinh doanh

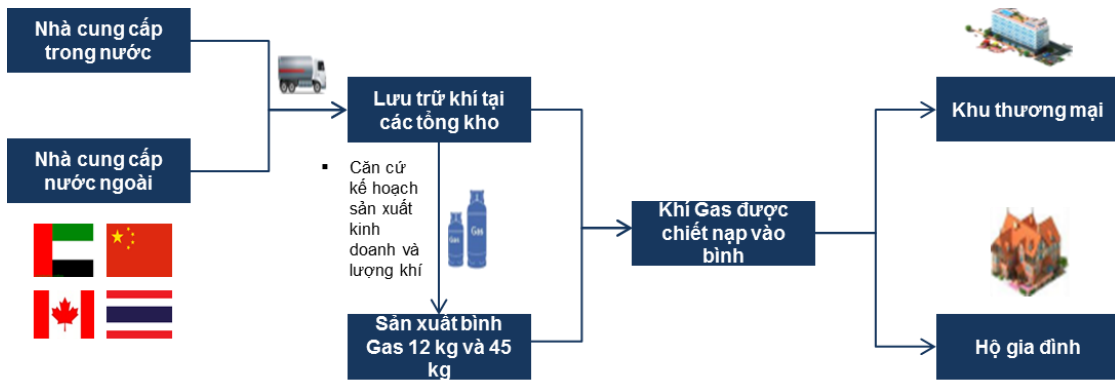
5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Theo nghiên cứu, Khí hóa lỏng - Khí gas hay còn gọi đầy đủ là khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Liquefied Petroleum Gas) là một nhóm các loại khí Hydro-Carbon có thành phần chính là propan C₃H₈ và butan C₄H₁₀. LPG tồn tại trong thiên nhiên ở các giếng dầu hoặc giếng gas và cũng có thể sản xuất ở các nhà máy lọc dầu. Nguyên liệu ban đầu dùng để sản xuất LPG là dòng khí thiên nhiên khai thác từ các mỏ dầu hoặc qua quá trình xử lý dầu thô để thu được LPG. Trong điều kiện nhiệt độ và áp suất không khí thông thường, LPG thường ở thể khí tuy nhiên nó được gọi là khí dầu mỏ hóa lỏng vì các chất khí này có thể được hóa lỏng khi nén lại (mà không cần qua làm lạnh) nhằm thuận tiện cho việc tồn trữ và vận chuyển. LPG không màu, không mùi nhưng chúng ta vẫn thấy gas có mùi vì chúng đã được cho thêm chất tạo mùi trước khi cung cấp cho người tiêu dùng để dễ dàng phát hiện ra khi có sự cố rò rỉ gas.

Mỗi kg LPG cung cấp khoảng 12.000 kcal năng lượng, tương đương nhiệt năng của 2 kg than củi hay 1,3 lít dầu hỏa hoặc 1,5 lít xăng. Việc sản sinh ra các loại chất khí NO_x, khí độc và tạp chất trong quá trình cháy thấp đã làm cho LPG trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường. LPG được sử dụng đa dạng trong công nghiệp như: nhiên liệu trong công nghiệp xử lý thực phẩm, làm giấy, làm hạt nhựa và thậm chí làm chất nổ, làm nhiên liệu để chạy turbine phát điện, làm chất làm lạnh, đầu vào cho công nghiệp hóa chất. Trong nông nghiệp và dân dụng, LPG được sử dụng để sấy khô nông sản, sưởi ấm, làm nhiên liệu trong nấu nướng, nhiên liệu cho phương tiện vận tải... LPG bắt đầu được sử dụng ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, với sản lượng ban đầu chỉ khoảng 50.000 tấn/năm thông qua nhập khẩu và sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực dân dụng. Ngoài nguồn LPG trong nước, hiện tại một nửa nhu cầu LPG của Việt Nam đang phải nhập khẩu.

Hoạt động kinh doanh của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung bao gồm các khâu nhập khẩu khí hóa lỏng (LPG) tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên. Sản phẩm chính là gas bình phục vụ cho dân cư (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg).

Quy trình sản xuất và cung cấp khép kín của PMGAS được chuyên môn hóa từng bước:

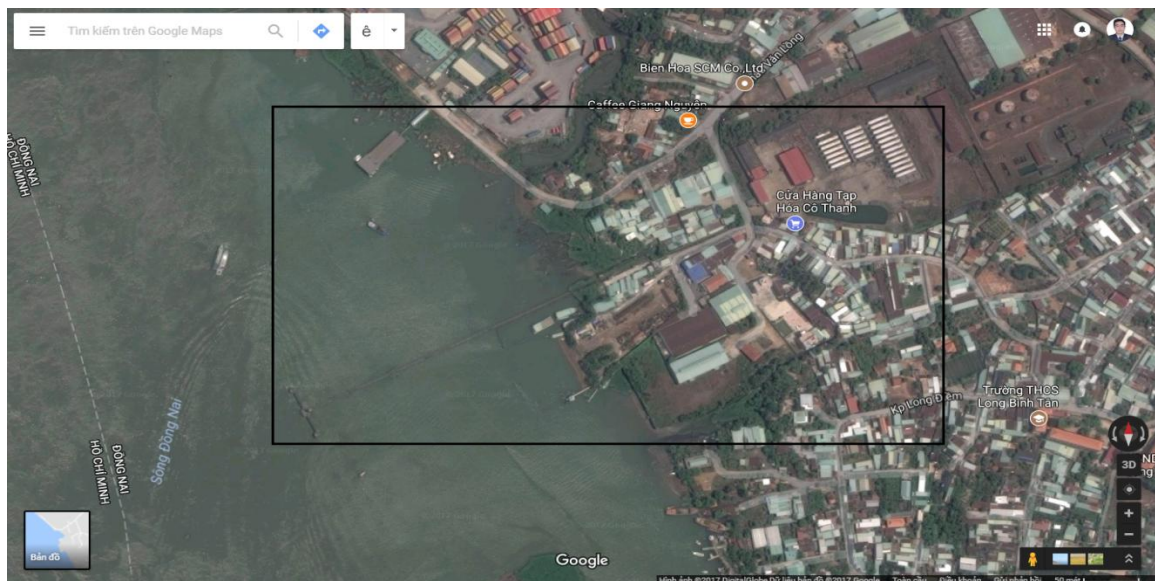


Bước 1: Nhập khẩu khí gas từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước

Công ty có cầu cảng tại Sông Đồng Nai, để tiến hành nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1500 tấn/lần nhập.

Tháng 6/2015, Công ty đã tiến hành khởi công đầu tư xây dựng tổng kho tồn trữ, nhà máy chiết xuất trên diện tích 48.980m², tại Khu Công nghiệp Hậu Cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Số GCN Quyền sử dụng đất CH733978 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/08/2017 với sức chứa gần 5.000 tấn, số lượng bồn đã lắp đặt hoàn thành, có 2 bồn lớn dung tích của mỗi bồn là 3.040m³ (tổng 2 bồn 6.080 m³), ngoài ra còn có 9 bồn nhỏ có dung tích mỗi bồn là 117,711m³, Tổng cộng boong chứa đã lắp đặt hoàn thành có tổng sức chứa 7.139,399 m³. Tại dự án lắp đặt hệ thống chiết nạp với công suất 36.000 tấn/ năm và xây dựng cầu cảng có thể đón tàu tải trọng 20.000 tấn với tổng mức đầu tư hơn 200 tỷ đồng (từ nguồn vốn tự có và một phần vốn vay).

Hình 4: Cầu cảng V-Gas Đồng Nai





Đây là điểm mạnh không phải doanh nghiệp kinh doanh khí gas nào tại Việt Nam cũng có thể đáp ứng.

Trước đây, khi Nghị định 19/2016/NĐ-CP còn hiệu lực, các Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí cần đáp ứng một số điều kiện theo quy định:

1. Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và phải đáp ứng các Điều kiện dưới đây:
 - a) Có cầu cảng thuộc hệ thống cảng Việt Nam thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng thuê cầu cảng tối thiểu 05 (năm) năm.
 - b) Có kho tổng dung tích các bồn chứa tối thiểu 3.000 m³ (ba nghìn mét khối) đối với LPG. 60.000m³ (Sáu mươi nghìn mét khối) đối với LNG. 200.000 Sm³ (hai trăm nghìn mét khối tiêu chuẩn) đối với CNG thuộc sở hữu thương nhân hoặc đồng sở hữu hoặc thuê của thương nhân kinh doanh khí tối thiểu 01 (một) năm đối với LPG và 05 (năm) năm đối với LNG và CNG để tiếp nhận khí từ tàu hoặc phương tiện vận chuyển khác.
2. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các Điều kiện sau:
 - a) Có số lượng chai LPG các loại (không tính chai LPG mini) đủ Điều kiện lưu thông trên thị trường thuộc sở hữu của thương nhân với tổng dung tích chứa tối thiểu 3.930.000 L (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn lít).
 - b) Có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc có hợp đồng thuê nạp LPG vào chai với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối khác.
Sau 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG, phải có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu của thương nhân.
- c) Có hệ thống phân phối LPG bao gồm: Cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc khách hàng công nghiệp và có tối thiểu 40 (bốn mươi) tổng đại lý hoặc đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ Điều kiện quy định tại Nghị định này.

3. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải có cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hệ thống phân phối LNG, bao gồm: Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê xe bồn LNG hoặc đường ống vận chuyển LNG tối thiểu 01 (một) năm. sở hữu trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện.
4. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải có cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hệ thống phân phối CNG, bao gồm: Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê xe bồn CNG hoặc đường ống vận chuyển CNG tối thiểu 01 (một) năm. sở hữu trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện.

Mặc dù Nghị định 19/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, nhiều điều kiện gia nhập thị trường đã được bãi bỏ để cho các đơn vị dễ dàng tham gia. Tuy nhiên, có thể nói rất ít có doanh nghiệp kinh doanh gas trong khu vực tư nhân như PMGAS có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp Nhà nước có lịch sử lâu đời và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ.

Công ty có 2 hệ thống cầu cảng:

- Hệ thống cầu cảng tại Sông Đồng Nai: có diện tích 2203 m² cầu cảng có thể đón tàu tải trọng 20.000 tấn do CTCP Dầu khí V-Gas quản lý.
- Dự án hệ thống cầu cảng tại Cảng Tam Hiệp, Núi Thành tỉnh Quảng Nam: có diện tích 14.490 m² cầu cảng có thể đón tàu tải trọng 20.000 tấn do Công ty TNHH Gas Miền Trung quản lý.

Bước 2: Trữ khí vào các tổng kho của Công ty tại các vùng miền Trung

Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng như nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty. Công ty có 3 tổng kho lớn đang khai thác sử dụng:

Hình 5: Các Tổng kho của Công ty

- Tổng kho tại TP Biên Hòa tỉnh Đồng Nai: có diện tích 29.850 m², với sức chứa của tổng kho hơn 2.000 tấn do CTCP Dầu Khí V-Gas quản lý.



BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

- Tổng kho tại KCN Điện Nam, Điện Ngọc: có diện tích 11.556m², với sức chứa gần 1.000 tấn, do CTC Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung quản lý.



- Tổng kho tại Tam Hiệp Núi Thành, Quảng Nam: có diện tích 48.980m², với sức chứa gần 5.000 tấn, do Công ty TNHH Gas Miền Trung quản lý.





Bước 3: Sản xuất vỏ bình gas khối lượng 12kg và 45kg

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sản xuất vỏ bình Gas loại 12 kg và loại 45 kg.

Dây chuyền sản xuất vỏ bình gas do chi nhánh của CTCP Dầu khí Vgas phụ trách sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu với công suất tối thiểu 120.000 bình/năm, ngoài ra nhà máy còn có chức năng bảo dưỡng vỏ bình, sơn sửa vỏ bình.

CTCP Petro Miền Trung tại Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc đã lắp đặt 02 hệ thống dây chuyền sơn bảo dưỡng vỏ bình với công suất 200.000 bình/năm.

Hình 6: Dây chuyền sản xuất vỏ bình Gas





Bước 4: Chiết nạp khí gas vào bình

Khí Gas sẽ được chiết vào 2 loại bình đã sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng.

Tập đoàn có các nhà máy chiết nạp gas tại các công ty như sau:

- Tại Petro Miền Trung tại KCN Điện Nam, Điện Ngọc Quảng nam: công suất 12.000 tấn/năm
- Tại Petro Miền Trung tại KCN Nam Đông Hà – Quảng Trị: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại Petro Miền Trung tại Phù Cát – Bình Định: công suất 12.000 tấn/ năm.
- Tại Petro Miền Trung tại Hương Thủy – TT Huế: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại CT TNHH Gas Miền Trung tại KCN Điện Nam, Điện Ngọc Quảng nam: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại CT TNHH Gas Miền Trung tại Tam Hiệp Núi Thành – Quảng nam: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại CTCP Dầu khí Vgas tại Biên Hòa Đồng Nai: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại CTCP Dầu khí Vgas tại Đông Xuyên – Vũng Tàu: công suất 12.000 tấn/năm.
- Tại CTCP Dầu khí Vgas tại Đức Trọng – Lâm Đồng: công suất 12.000 tấn/năm.

Hình 7: Nhà máy chiết nạp Gas Lâm Đồng



Hình 8: Nhà máy chiết nạp Vũng Tàu



(Nguồn: PMGAS)

Bước 5: Phân phối Gas đến người tiêu dùng

Sau khi được sang chiết, các sản phẩm của Công ty (bình chứa Gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cung cấp ra thị trường. Hiện nay, Công ty không có các đại lý phân phối trực thuộc và phải ký hợp đồng phân phối với các đại lý lớn. Các đại lý này sẽ trực tiếp đến Công ty nhận hàng nên Công ty tiết giảm được chi phí vận chuyển và từ đó giảm giá thành sản phẩm.

Công ty tham gia chiết nạp khí Gas và chuyên cung cấp Gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Nhà máy Đồng Tâm, Thaco Trường Hải... Thị phần cung cấp tại Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V-Gas, PM Gas và Picnic-VIP.

Hình 9: Các sản phẩm của Công ty





(Nguồn: PMGAS)

Đồng thời, công ty tiến hành tự sản xuất vỏ bình Gas để chủ động trong quá trình chiết Gas, cung cấp cho các đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực.

5.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ
theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		DT	(%)	DT	(%)	DT	(%)
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	368.024	98,67	401.558	99,57	395.017	99,50
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.954	1,33	1.723	0,43	1.985	0,5
Tổng cộng		372.978	100	403.281	100	397.003	100

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015,2016 và BCTC riêng 9 tháng năm 2017)

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất
theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		DT	(%)	DT	(%)	DT	(%)
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	370.370	98,2	443.746	99,2	617.220	99,77
2	Doanh thu thuần	6.681	1,8	3.516	0,8	1.423	0,23

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		DT	(%)	DT	(%)	DT	(%)
	cung cấp dịch vụ						
	Tổng cộng	377.051	100	447.262	100	618.643	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2017)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp bình gas dân dụng nên doanh thu tập trung gần như tuyệt đối ở mảng bán hàng hóa, thành phẩm, luôn duy trì ở mức ~98% trong cơ cấu doanh thu. Hoạt động cho thuê máy kiểm định LPG chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ và đang có xu hướng giảm dần.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty qua các năm rất ấn tượng. Nếu như năm 2016, doanh thu hợp nhất tăng 19% so với năm 2015 thì 9 tháng đầu năm 2017 doanh thu đã đạt 618 tỷ, tương đương mức tăng 38,3% so với cả năm 2016. Việc thay đổi thói quen tiêu dùng chuyển từ các hình thức nấu nướng cũ sang sử dụng gas với lợi thế tiết kiệm hơn, sạch hơn của khu vực (Quảng Nam, Tây Nguyên và các tỉnh lân cận) chính là cơ sở để Công ty mở rộng sản xuất và đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu như trên. Năm 2016, PMGAS đã phải mở rộng thêm cơ sở sản xuất bình gas mới có thể đáp ứng được nhu cầu gas trong khu vực.

Tính đến nay, số lượng vỏ bình gas của công ty đã đạt hơn 1.200.000 vỏ bình. Việc nâng cao sản lượng cung cấp ra thị trường cũng như mở rộng thị phần sang các tỉnh Tây nguyên đã mang lại kết quả rất khả quan cho Công ty.

❖ **Lợi nhuận gộp theo các nhóm sản phẩm qua các năm**

**Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp công ty mẹ
theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, thành phẩm	33.679	9,2	46.586	11,7	49.404	98,09
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	3.446	0,9	553	0,1	964	1,91
	Tổng cộng	37.125	10,1	47.139	11,8	50.368	12,7

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất
theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, thành phẩm	37.165	9,9	80.929	18,1	97.326	14,3
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	6.028	1,6	(1.033)	(0,2)	1.683	1,7
Tổng cộng		43.193	11,5	79.896	17,9	99.009	16

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)
 Cùng với đà tăng trưởng của Doanh thu, Lợi nhuận gộp cũng tăng từ năm 2015 đến 9 tháng đầu năm 2017. Với lợi thế cầu cảng Đồng Nai, có thể đón được tàu chở khí với trọng tải 1000 tấn/lần và hệ thống trữ gas lớn nên giúp Công ty không phải nhập hàng nhiều lần. Đồng thời, ngay khi sản phẩm được xuất kho, các đại lý lớn cũng đến lấy hàng trực tiếp tại Công ty thay vì PMGAS phải đưa hàng đi để phân phối. Với cách làm đó, Công ty đã tiết kiệm được chi phí vận chuyển từ khâu nhập hàng đến khâu xuất hàng nên dẫn đến việc chi phí sản xuất kinh doanh giảm qua các năm. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đưa vào sử dụng 02 tổng kho ở Khu kinh tế mở Chu Lai, nên chi phí hoạt động của Công ty sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

❖ **Cơ cấu tổng doanh thu:**

Bảng 7: Cơ cấu Tổng doanh thu công ty mẹ năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
1	Doanh thu thuần từ HĐKD	367.322	99,02	398.031	94,28	396.022	97,84
2	Doanh thu tài chính	2.039	0,55	19.964	4,73	3.747	0,93
3	Doanh thu khác	1.581	0,43	4.191	0,99	4.990	1,23
Tổng cộng		370.942	100	422.186	100	404.759	100

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Số tiền doanh thu khác qua các năm là khoản thu nhập cước vỏ của loại vỏ mang thương hiệu PM Gas được ghi nhận theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư 118/2010/TT-BTC quy định về chế độ tài chính và thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh các loại vỏ chai khí dầu mỏ hoá lỏng trên thị trường

- Khi các cơ sở kinh doanh LPG chai và kinh doanh vỏ chai LPG (đơn vị sở hữu vỏ chai LPG) nhận tiền ký cược vỏ chai LPG của khách hàng, đơn vị phải hạch toán khoản tiền ký cược vỏ chai LPG vào tài khoản theo dõi tiền ký cược.
- Hàng năm, khi thực hiện phân bổ chi phí theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, đơn vị phải kết chuyển khoản tiền ký cược vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian kết chuyển thu nhập tương ứng thời gian phân bổ chi phí vỏ chai LPG vào chi phí kinh doanh LPG.
- Trường hợp phát sinh các khoản tiền phải trả cho khách hàng khi khách hàng trả lại vỏ chai LPG trong khi chưa thực hiện phân bổ hết chi phí thì đơn vị thực hiện trích từ khoản tiền ký cược của khách hàng (trước khi kết chuyển thu nhập khác).

Bảng 8: Cơ cấu Tổng doanh thu hợp nhất năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
1	Doanh thu thuần từ HĐKD	377.051	98	447.263	92	618.643	96,28
2	Doanh thu tài chính	6.896	2	32.758	7	15.910	2,48
3	Doanh thu khác	1.619	0	7.296	1	8.024	1,24
	Tổng cộng	385.566	100	487.317	100	642.577	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Tổng Doanh thu của Công ty năm 2016 tăng 26,5% so với năm 2015, riêng 9 tháng đầu năm 2017 tổng doanh thu đã tăng 31,83% so với kết quả của năm 2016 trong đó riêng Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính tăng 38,3%. Xét về cơ cấu, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính luôn chiếm gần như tuyệt đối, thể hiện mục tiêu hoạt động của Công ty là chỉ phát triển kinh doanh khí gas.

5.3. Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh của công ty mẹ năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	9 Tháng Đầu Năm 2017
----	-----------	----------	----------	----------------------

		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
1	Giá vốn hàng bán	330.196	91,93	350.892	89,08	345.655	91,52
2	Chi phí tài chính	7.295	2,03	15.816	4,02	7.216	1,91
3	Chi phí bán hàng	16.937	4,72	22.094	5,61	19.819	5,25
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.714	1,31	4.917	1,25	4.879	1,29
5	Chi phí khác	53	0,01	172	0,04	98	0,03
	Tổng cộng	359.195	100	393.891	100	377.667	100

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
1	Giá vốn hàng bán	335.771	89,6	367.366	80,8	519.633	86,25
2	Chi phí tài chính	8.099	2,2	18.577	4,1	18.094	3,00
3	Chi phí bán hàng	21.558	5,8	44.964	9,9	45.759	7,60
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.881	2,1	19.842	4,4	16.848	2,80
5	Chi phí khác	1.288	0,3	3.661	0,8	2.145	0,35
	Tổng cộng	374.597	100	454.410	100	602.479	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Là doanh nghiệp sản xuất bình gas, kinh doanh khí gas nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng chi phí của PMGAS, các chi phí khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Có thể thấy cơ cấu chi phí vẫn ổn định nhưng tốc độ tăng của chi phí đang chậm hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu, cụ thể 9 tháng đầu năm tổng chi phí tăng 32,58% nhưng tổng doanh thu tăng 38,3% so với số liệu của cả năm 2016. Giá vốn hàng bán là chi phí tăng mạnh nhất, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp gần như ổn định. Điều đó cho thấy chiến lược quản trị của Công ty rất phù hợp và mang lại hiệu quả lớn.

5.4. Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

Trong thời gian sắp tới, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề đã mang lại hiệu quả hoạt động SXKD cho Công ty như kinh doanh khí hóa lỏng, làm bình chứa Gas, cung cấp dịch vụ... Ngoài ra, Công ty tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành có nhiều tiềm năng và phù hợp và phù hợp với những lợi thế sẵn có của Doanh nghiệp như cung cấp dịch vụ kho chứa khí, xăng dầu... Công ty có hệ thống chứa lớn và cầu cảng trên sông Đồng Nai nên đây là yếu tố then chốt để cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác.

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Công ty đã ban hành các quy định, quy chế, các yêu cầu chung về công tác quản lý kỹ thuật bao gồm: mô hình tổ chức của các bộ phận quản lý kỹ thuật, về thiết kế, quy mô công nghệ, chủng loại và yêu cầu thông số kỹ thuật của một số trang thiết bị phục vụ cho quá trình chiết Gas của Công ty. Công ty đã mô hình và tự động hóa, sử dụng phần mềm để quản lý tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm Gas trước, trong và sau quá trình sang chiết. Đồng thời, Công ty cũng xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật như mức hao hụt, chi phí. các quy định chung liên quan đến việc mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và xây dựng cơ bản, quản lý đất đai. Công ty đẩy mạnh hoạt động sáng kiến – sáng chế, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

Công tác quản lý kỹ thuật tại Công ty bao gồm: tổ chức bộ máy trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật. xây dựng và ban hành các quy định, quy trình nội bộ về quản lý kỹ thuật (vận hành, bảo dưỡng, bảo trì các công trình xăng dầu: kho, cảng, đường ống), quản lý và đảm bảo chất lượng các sản phẩm xăng dầu, công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định, các quy chuẩn của pháp luật và ngành.

Tiêu chuẩn, kỹ thuật áp dụng tại hệ thống của PMGAS:

Tại các chi nhánh sản xuất vỏ bình áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000, tất cả các bình sản xuất ra đều được kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt và kiểm định bởi Trung tâm kiểm định 2, Công ty Kiểm định 6, Các dây chuyền chiết nạp bằng hệ thống cân điện tử, tự động Hàng hóa được niêm phong kiểm tra và được dán tem chống hàng giả do Bộ Công An cấp.

5.6. Hoạt động Marketing

Trong những năm gần đây, Công ty đã ngày càng chú trọng hơn vào hoạt động truyền thông Marketing xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Công ty có một nhóm chuyên phụ trách truyền thông các sản phẩm, mang hình ảnh của PMGAS tới từng hộ gia đình. Những nỗ lực đẩy mạnh hoạt động marketing, xây dựng quy tắc ứng xử, quy trình quản lý khủng hoảng, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu... đã giúp hình ảnh “GAS MIỀN TRUNG RA ĐỜI ĐỂ PHỤC VỤ” của Công ty gần gũi với các hộ gia đình – những người sử dụng sản phẩm của Công ty.

5.7. Quản trị rủi ro

Để tránh rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái có thể gây ra cho hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty hạn chế nhập khẩu trực tiếp LPG từ các nhà cung cấp nước ngoài mà mua từ chi nhánh tại Việt Nam của các nhà cung cấp này hoặc mua từ các nhà nhập khẩu trong nước theo hợp đồng ký sẵn.

Ngành khí trong nước phụ thuộc rất nhiều vào biến động giá cả, tình hình chính trị... của thế giới và các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, bão lũ ảnh hưởng đến nguồn cung. Trong điều kiện đó, Công ty đã rất ý thức được tầm quan trọng của việc chủ động trong nguồn cung khí LPG. Công ty sở hữu nhà máy V-Gas tại Đồng Nai bằng việc mua lại từ nhà đầu tư Thái Lan với diện tích đất đã có sổ đỏ là 29.851m². Đồng thời, Công ty có cầu cảng tại sông Đồng Nai để tiến hành nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1500 tấn/lần nhập. Hơn thế nữa, Công ty sở hữu tổng kho chứa Gas với khối lượng dự trữ 5.000

tần Gas tại khu kinh tế mở Chu Lai. Nhờ đó, Công ty đã luôn chủ động trong nguồn cung cấp Gas và bình ổn được giá bán của mình trong lúc thị trường có nhiều biến động như thời gian qua.

Ngoài ra Công ty có một hệ thống khách hàng truyền thống, số lượng hàng đã đặt và tiêu thụ hàng tháng ổn định, nếu có sự biến động giảm về giá Công ty không hề gặp khó khăn hay trở ngại gì về việc tiêu thụ hàng hóa. Còn nếu có sự biến động tăng giá thì Công ty có hệ thống tồn trữ rất lớn nên sẽ tăng cường khối lượng hàng nhập và mang lại lợi nhuận cao.

6. Nhân hiệu thương mại, sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty

6.1 Logo Công ty



- Ý nghĩa: Logo được thiết kế tựa theo hình ảnh ngọn lửa hồng đang rực cháy, thể hiện được phương châm hoạt động “GAS MIỀN TRUNG RA ĐÒI ĐỂ PHỤC VỤ” của Công ty.
- Màu sắc: Màu vàng thổ thể hiện khát vọng của Công ty, mong muốn mang được ngọn lửa vàng tới mọi gia đình. đồng thời tạo ra sự phát triển cho xã hội bằng việc tạo ra nhiều công ăn việc làm, mang lại ấm no hạnh phúc cho người dân.
- Nhân hiệu thương mại:
Tập đoàn có 3 thương hiệu được cục sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ và bảo hộ sản phẩm của doanh nghiệp đó là:
 - PM Gas thuộc CTCP ĐT & SX Petro Miền Trung, số giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ: 42823 và số 42824.
 - Picnic Gas thuộc Công ty TNHH Gas Miền Trung, số giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ: 70084 và số 136752.
 - V Gas thuộc CTCP Dầu khí Vgas, số giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ: 142062.

6.2 Tầm nhìn, chiến lược kinh doanh của Công ty

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty đã xây dựng cho mình một định hướng phát triển bền vững thông qua các mục tiêu, chiến lược cụ thể như:

- Phân đấu trở thành một trong những Công ty gas lớn nhất tại Việt Nam.
- Từng bước thực hiện chuyên nghiệp hoá trong quản lý, về sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật.
- Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Đảm bảo trả đủ cổ tức theo phương án kinh doanh, phần đầu đạt mức cổ tức tăng trưởng qua các năm.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao, cải thiện đời sống của người lao động.
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Với đặc trưng của ngành kinh doanh khí hóa lỏng là giá khí liên tục thay đổi và phụ thuộc vào giá khí thế giới, nên PMG và các đối tác chỉ ký các hợp đồng nguyên tắc mua/bán khí, trong đó không đề cập giá khí. Trong năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng mua khí với giá trị là 338.581.996.409 đồng và hợp đồng bán khí với giá trị là 518.016.842.602 đồng

Bảng 11: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng (đồng)	Nội dung hợp đồng	Thời gian cung cấp
1	Chi nhánh TCT Khí Việt Nam –CTCP-Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Mua khí hóa lỏng	01/10/2017-31/12/2017
2	CTCP Thương mại An Hiệp Lợi	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Mua khí hóa lỏng	01/06/2017-01/10/2017
3	Công ty TNHH Khí hóa lỏng Cội Nguồn	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Mua khí hóa lỏng	01/04/2016-31/03/2017
4	Công ty TNHH Gas Lâm Sơn	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Bán gas thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, Petro Việt Nam (loại 12 và 45 kg)	02/01/2017
5	CTCP Đồng Tâm Miền Trung	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Bán gas thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, Petro Việt Nam (loại 12 và 45 kg)	02/01/2017
6	Công ty TNHH Dầu khí Xanh	Được xác định hàng tháng dựa theo mức giá khí trên thị trường	Bán gas thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, Petro Việt Nam (loại 12 và 45 kg)	02/01/2017

(Nguồn: PMGAS)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ
 năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm	9 Tháng Đầu Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	410.881	622.822	51,58	701.984
Doanh thu thuần	367.321	398.031	8,36	396.022
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.219	24.277	137,57	16.339
Lợi nhuận khác	1.527	4.019	163,2	4.892
Lợi nhuận trước thuế	11.746	28.296	140,9	21.231
Lợi nhuận sau thuế	10.259	22.602	120,3	18.456

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Trong cơ cấu tổng tài sản tại Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, khoản mục Đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, tập trung ở khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, trả trước cho người bán.

- Khoản đầu tư (ngắn hạn và dài hạn) nắm giữ đến ngày đáo hạn: 116,64 tỷ đồng.
 - (i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTDT/2016 ngày 20/12/2016 giữa Công ty (Bên A) và vợ chồng Ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy (Bên B). Mục đích là đầu tư bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, phường Hải Châu 2 với diện tích 717,7 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã BD879188 thuộc quyền sở hữu của Bên B. Tổng vốn đầu tư là 70.000.000.000 đồng. Trong đó, Bên A góp 67.150.000.000 đồng, Bên B góp 2.850.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng hợp tác đầu tư chính bằng bất động sản đầu tư của Bên B. Thời gian hợp tác là 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ được chia lợi nhuận theo tỷ suất 8,5%/360 ngày tính theo số ngày thực tế hợp tác đầu tư, tỷ suất này có thể thay đổi căn cứ vào các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có).
 - (ii) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTDT/2015 ngày 20/12/2015 giữa Công ty (Bên A) và vợ chồng Ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy (Bên B). Mục đích là đầu tư bất động sản tại 580 Điện Biên Phủ, tổ 14, phường Thành Đông Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với diện tích 373,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã H10898 thuộc quyền sở hữu của Bên B. Tổng vốn đầu tư là 1.510.000.000 đồng. Trong đó, Bên A góp 49.490.000.000 đồng, Bên B góp 2.850.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng hợp tác đầu tư chính bằng bất động sản đầu tư của Bên B. Thời gian hợp tác là 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên B, Bên A sẽ được chia

lợi nhuận theo tỷ suất 8,5%/360 ngày tính theo số ngày thực tế hợp tác đầu tư, tỷ suất này có thể thay đổi căn cứ vào các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có).

Tính đến 30/06/2017, các hợp đồng hợp tác đầu tư này đã được thanh lý hết. Công ty đã thu hồi toàn bộ tiền đầu tư và Công ty có được khoản lợi nhuận từ hoạt động này tổng số tiền là 11 683 952 122 đồng.

- Trả trước cho người bán: 61,1 tỷ đồng

Theo hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ngày 15/12/2016 giữa vợ chồng Ông Nguyễn Tiến Lãng, bà Nguyễn Thị Bích Thùy và Công ty, Công ty sẽ mua quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất tại số 68-74-76 Lê Duẩn – Đà Nẵng, thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BC 298140 với tổng diện tích đất ở theo sổ là 492,2 m². Giá trị chuyển nhượng là 92.000.000.000 đồng. Thanh toán tạm ứng lần 1 là 61,1 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh của năm 2016 trên BCTC công ty mẹ bị ảnh hưởng bởi một số khoản trích lập dự phòng đầu tư và dự phòng giảm giá hàng tồn kho, cụ thể như sau:

- Số tiền trích lập dự phòng khoản đầu tư vào CTCP Dầu khí V-Gas do tại thời điểm 31/12/2016, kết quả kinh doanh của CTCP Dầu khí V-Gas bị âm. Giá trị cần phải trích lập tại thời điểm 31/12/2016 là 9.218.643.120 đồng.
- Số tiền trích lập dự phòng khoản đầu tư vào CT TNHH Trung Nam do tại thời điểm 31/12/2016, kết quả kinh doanh của CT TNHH Trung Nam bị âm. Giá trị cần phải trích lập tại thời điểm 31/12/2016 là 184.470.525 đồng.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự phòng giảm giá cuối năm 2015 với số tiền 652.758.651 đồng. Trong năm 2016 đã bán lượng hàng này và thực hiện hoàn nhập lại. Tại thời điểm cuối năm 2016 đánh giá việc trích lập dự phòng cuối năm thì không cần phải trích lập do giá bán vẫn lớn hơn giá vốn hàng hoá.

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

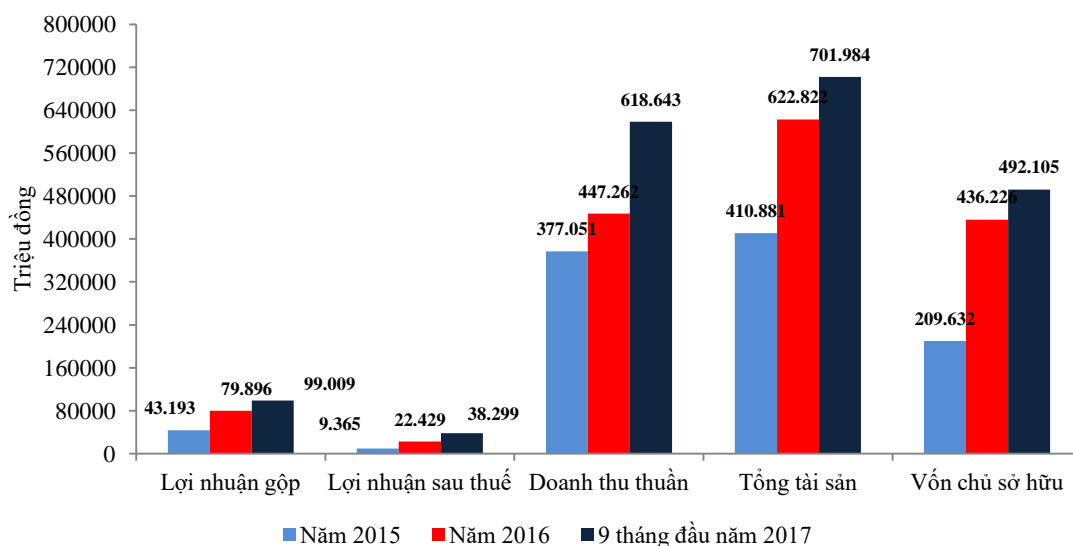
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng (giảm)	9 Tháng Đầu Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	588.037	977.844	66,29	1.296.926
Doanh thu thuần	377.051	447.263	18,62	618.642
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.638	29.272	175,16	35.635
Lợi nhuận khác	331	3.635	998,19	5.879
Lợi nhuận trước thuế	10.969	32.907	200	41.515
Lợi nhuận sau thuế	9.365	22.429	139,5	38.299

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Các chỉ tiêu trong bảng trên đều thể hiện kết quả kinh doanh của Công ty đều đang tăng trưởng theo hướng tích cực. Trong 9 tháng đầu năm 2017, tổng tài sản tăng 32,66% so với cả năm 2016, tăng mạnh ở Tài sản cố định (bao gồm: đầu tư máy móc thiết bị ở các công ty con, phần lớn lại dây chuyền chiết nạp khí gas, bồn chứa nhiên liệu) và Tài sản dở dang dài hạn (kho chứa nạp gas ở Khu kinh tế mở Chu Lai). Các chỉ tiêu về lợi nhuận đều đạt tốc độ tăng tốt. Với kết quả trên, Công ty đã vượt kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (Doanh thu: 550 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 33 tỷ đồng).

Hình 10: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017



Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty ghi nhận khoản Lãi do thanh lý khoản đầu tư 23.16 tỷ. Số tiền này là lãi phát sinh khi Petro miền Trung bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas với giá bán lớn hơn giá gốc khoản đầu tư là 12 tỷ. Ngoài ra, khi thực hiện hợp nhất khoản đầu tư, điều chỉnh khoản đầu tư từ công ty con sang công ty liên kết đối với Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas phát sinh khoản lãi 11.165.947.403 đồng. Khoản lãi khi thoái vốn một phần ở Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas đã được công ty thực hiện theo như hướng dẫn tại TT 202/2014/TT-BTC hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Thuận lợi

- Kinh tế trong nước dần hồi phục và đạt mức tăng trưởng tốt. Thị trường xăng dầu thế giới duy trì giá ở mức thấp (giá dầu thô WTI bình quân năm 2015 chỉ bằng 52% so với bình quân năm 2014) do tiếp tục dư thừa nguồn cung và bức tranh kém khởi sắc của nền kinh tế thế giới.
- Thị trường xăng, dầu trong nước được vận hành theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP, công tác điều hành giá xăng, dầu của Liên Bộ Công Thương – Tài Chính đã bám sát diễn biến giá xăng dầu thế giới với 21 đợt điều chỉnh giá xăng dầu nhận được sự đồng thuận từ dư luận và được bình chọn là 1 trong 10 sự kiện tiêu biểu của ngành Công Thương năm 2015.

- Công ty có lợi thế về hệ thống cầu cảng, kho bãi để nhập khẩu và tích trữ khí LPG. Công ty có cầu cảng tại sông Đồng Nai để nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1000 tấn/lần nên Công ty có lợi thế về nguồn cung trong nước với giá rẻ.
- Thương hiệu Công ty đã dần ổn định và phát triển ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

8.2.2 Khó khăn

- Biến động của tỷ giá và giá dầu trên thị trường thế giới có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Hiện tại, Công ty đang nhập khẩu khí và xăng dầu phần lớn từ các nhà cung cấp tại Việt Nam để giảm thiểu rủi ro về biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, giá dầu trên hợp đồng vẫn biến động theo tình hình giá dầu thế giới theo thông lệ quốc tế nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.
- Sự cạnh tranh trong thị trường cung cấp khí đốt, xăng dầu trong nước gia tăng. Bộ Công Thương đã ký Nghị định 19/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng. Theo đó, điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp kinh doanh khí được nới lỏng hơn. Tổng sức chứa các bồn LPG tối thiểu giảm từ 800m³ (theo NĐ 107/2009/NĐ-CP) xuống còn 300 m³ đối với thương nhân phân phối LPG chai theo NĐ 19/2016/NĐCP. Tổng dung tích chứa tối thiểu được giảm từ 300.000 chai LPG xuống còn 100.000 chai LPG loại 12 kg. Những điều trên đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp mới gia nhập ngành.
- Sự thay đổi chính sách của Nhà nước tác động trực tiếp đến việc kinh doanh xăng dầu. Một số chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 như: Luật sửa đổi, bổ sung luật thuế bảo vệ môi trường, Thuế tiêu thụ đặc biệt....
- Tình trạng kinh doanh Gas lậu trái phép làm ảnh hưởng một phần đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Vị thế của công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành và triển vọng phát triển của ngành

9.1. Vị thế của công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành

Thành lập từ năm 2007, Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là một trong những thương hiệu uy tín của thị trường gas tỉnh Quảng Nam trong lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng. là đầu mối cung ứng gas cho thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Trong những năm qua, tuy chịu tác động từ ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự biến động về giá Gas thế giới tác động lên giá Gas trong nước và sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành, nhưng Công ty đã tận dụng các lợi thế, mạnh dạn đầu tư để thiết lập được một mạng lưới phân phối rộng lớn tại các tỉnh, thành phố để đảm bảo cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng trong thời gian nhanh nhất, với giá cả cạnh tranh cho khách hàng....

So với các công ty kinh doanh Gas nhỏ khác trong ngành, Công ty có lợi thế về hệ thống cầu cảng, kho bãi để nhập khẩu và tích trữ khí LPG. Công ty có cầu cảng tại sông Đồng Nai để nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1000 tấn/lần. Hơn nữa, hệ thống kho chứa và địa điểm chiết xuất Gas có vị trí địa lý gần nhau, giúp doanh cắt giảm được chi phí vận chuyển. Nhờ đó, Công ty kiểm soát tốt và có lợi thế cạnh tranh về giá Gas hơn các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Bảng 14: Một số đối thủ cạnh tranh của PMGAS

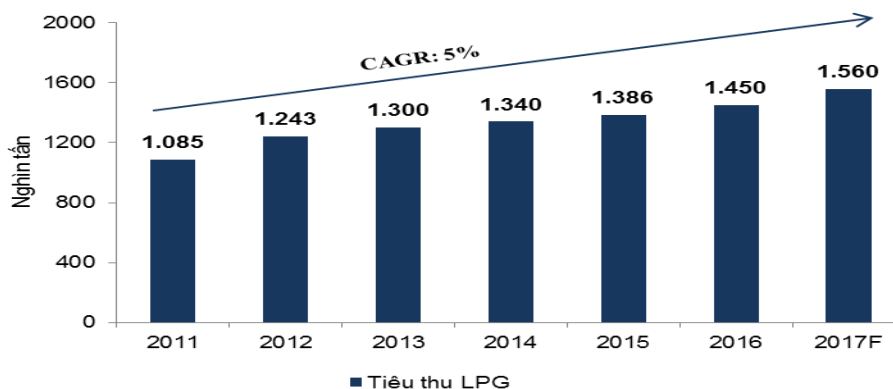
Tên Công ty	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	CTCP Dầu khí Thái Dương	CTCP CNG Việt Nam	CTCP phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Mã cổ phiếu	PMG	TDG	CNG	PGD
Năm thành lập	2007	2005	2007	2007
Vốn điều lệ (triệu đồng)	330.000	129.000	270.000	899.990,25
Ngành kinh doanh chính	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.	Kinh doanh và chiết nạp, đóng bình Gas, mua bán khí đốt hóa lỏng. dịch vụ sang nạp bình gas....	Sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên, cung cấp dịch vụ cải tạo sửa chữa đường ống	Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống, mua bán khí công nghiệp
DTT (triệu đồng) 9 tháng đầu năm 2017	618.643	93.146	333.493	1.804.862
LNST (triệu đồng) 9 tháng đầu năm 2017	38.348	11.262	27.770	44.013

(Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 của các Công ty)

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

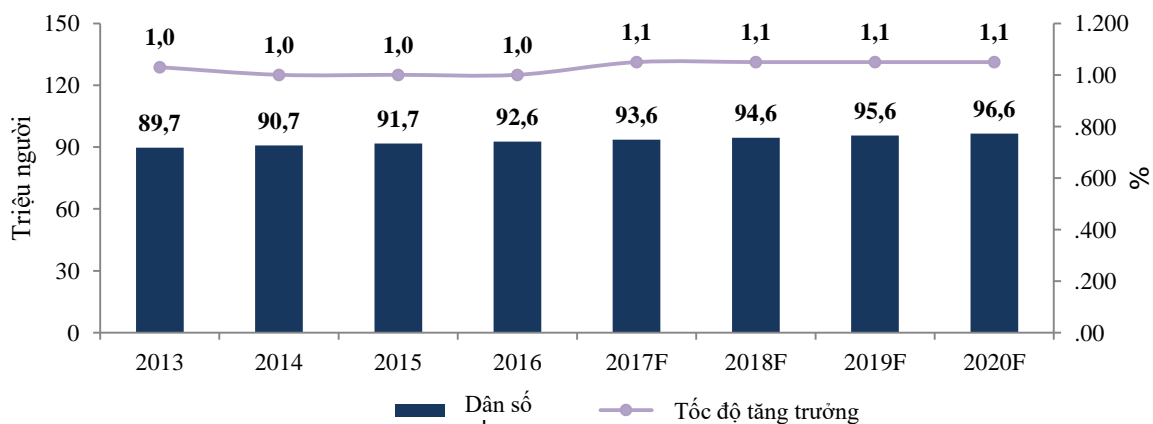
Ngành khí Việt Nam nói chung và ngành kinh doanh LPG (Gas) Việt Nam nói riêng có triển vọng tăng trưởng rất lớn trong thời gian sắp tới. LPG là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ chủ yếu gồm propane và butane, với lợi thế là chất đốt sạch, có thể bảo quản và vận chuyển dưới dạng lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường, LPG là một trong những loại nhiên liệu quan trọng và phổ biến tại Việt Nam. Do đó, gas đang dần trở thành mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hiện đại, trong các ngành thương mại, nông nghiệp và công nghiệp... Nhu cầu tiêu thụ LPG trong nước tăng 5% mỗi năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2017.

Hình 11: 2011 – 2017F Nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam



Nguồn: Bộ Công Thương

Hình 12 : Dân số Việt Nam và tốc độ gia tăng dân số Việt Nam 2013 – 2020F

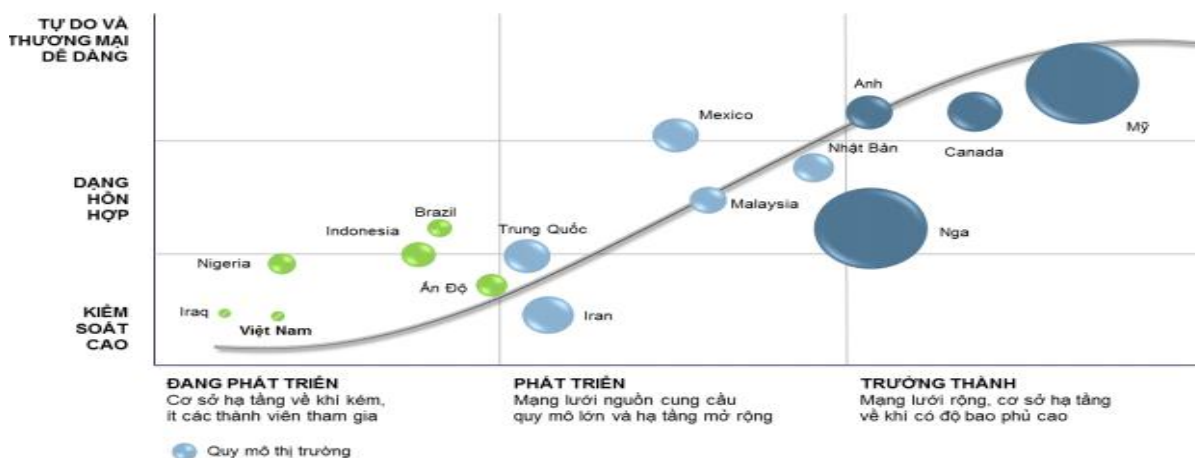


(Nguồn: World Bank)

Thị trường LPG ngày càng mở rộng, tốc độ tăng dân số dự báo sẽ tăng trên 1% mỗi năm cho đến 2020 (theo WB) sẽ làm gia tăng sản lượng khí đốt cho nhu cầu sinh hoạt và thúc đẩy thị trường LPG phát triển. Tiêu thụ các sản phẩm khí nói chung trên đầu người của người Việt Nam ở mức tương đối thấp chỉ khoảng 116 m³ khí/người, thấp hơn cả Indonesia với 154 m³ khí/người, Malaysia khoảng 1.311 m³ khí/người và Thái Lan với 778 m³ khí/người. Nếu so với các quốc gia phát triển như Mỹ, Nga, Canada và Anh thì mức độ tiêu thụ khí ở Việt Nam chỉ bằng 6% bình quân tiêu thụ của những quốc gia phát triển này.

Hơn nữa, theo hiệp hội gas Việt Nam, hiện tại, mức tiêu thụ LPG trên đầu người của Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực, chỉ khoảng 15,6 kg/người/năm, trong khi Trung Quốc là khoảng 16,9 kg/người/năm và Nhật Bản khoảng 124,4 kg/người/năm. Điều đó cho thấy trong dài hạn, thị trường LPG của Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng. Có thể thấy ngành công nghiệp khí của Việt Nam chỉ đang ở giai đoạn phát triển với xây dựng cơ sở hạ tầng và tiềm năng tăng trưởng còn rất lớn

Hình 13: Vòng đời ngành khí và vị trí của Việt Nam



Nguồn: GE, VNDIRECT tổng hợp

Từ năm 2008, Việt Nam bắt đầu phải nhập khẩu LPG do nguồn cung LPG trong nước đã không đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ. Trong những năm gần đây, nhu cầu tiêu thụ LPG tăng nhanh. Từ năm 1991, nhu cầu LPG Việt Nam là 50,000 tấn, năm 2000 là 400.000 tấn, năm 2007 là 800.000 tấn, đến năm 2011: 1.237.000 tấn. Tốc độ tăng trưởng bình quân nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam từ 2005-2010 là 8,5%. LPG là loại nguyên/nhiên liệu được sử dụng rất rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ công nghiệp hóa dầu, chế biến, giao thông vận tải đến dân dụng. Nhu cầu tiêu thụ gas của Việt Nam vẫn sẽ tăng trưởng ổn định. Theo dự kiến của hiệp hội gas Việt Nam, nhu cầu đến năm 2020 là 20 triệu tấn.

Nguồn sản xuất trong nước không đủ cung cấp gas cho toàn bộ thị trường nên khối lượng nhập khẩu gas của cả nước liên tục tăng qua các năm. Theo số liệu từ Tổng Cục Hải quan cho biết, tháng 07/2017 Việt Nam đã nhập khẩu 167 nghìn tấn khí hóa lỏng, trị giá 68 triệu USD, tăng 16,6% về lượng và tăng 11,7% về trị giá so với tháng 6 – đây là tháng thứ hai tăng trưởng liên tiếp – nâng lượng khí hóa lỏng nhập khẩu từ đầu năm đến hết tháng 7 lên 818 nghìn tấn, trị giá 389,9 triệu USD, tăng 22,41% về lượng và tăng 48,02% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam nhập khẩu khí hóa lỏng chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, chiếm 39,8% tổng lượng khí nhập khẩu, đạt 326,3 nghìn tấn, trị giá 164,9 triệu USD, tăng 32,03% về lượng và tăng 55,34% về trị giá. Đứng thứ hai sau Trung Quốc là thị trường UAE, tuy đứng thứ hai nhưng tốc độ nhập khẩu từ thị trường này trong 7 tháng đầu năm tăng mạnh vượt trội cả về lượng và trị giá, tăng lần lượt 123,08% và 168,34%, đạt tương ứng 245,9 nghìn tấn, trị giá 107,9 triệu USD, kể đến là thị trường Saudi Arabia với lượng nhập 44,8 nghìn tấn, trị giá 18 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2016 giảm cả lượng và trị giá, giảm lần lượt 51,41% và 47,26%. Ngoài ba thị trường chính kể trên, Việt Nam còn nhập khẩu từ các thị trường khác nữa như Indoensia, Malaysia, Hàn Quốc và Quata.

Các tín hiệu kinh tế trong nước có nhiều hỗ trợ cho sự phát triển ngành khí. GDP trong nước vẫn đạt ở mức cao 6,2% năm 2016 và tỷ lệ lạm phát vẫn tương đối thấp 1,8%, bên cạnh đó lãi suất cấp vốn chỉ tăng nhẹ khoảng dưới 11%/năm sẽ làm điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong ngành tiếp tục đầu tư, phát triển trong giai đoạn sắp tới.

9.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

9.3.1 Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tiếp tục tập trung vào việc kinh doanh, phân phối các sản phẩm khí LPG (Gas). Đối tượng khách hàng chủ yếu Công ty hướng đến là các hộ gia đình sử dụng khí Gas đun, nấu hàng ngày trên khắp cả nước. Chiến lược phát triển của Công ty rất phù hợp với sự phát triển của ngành khí Việt Nam hiện nay và các chính sách của Nhà nước đưa ra nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp kinh doanh Gas nhỏ, tạo sự đa dạng và cạnh tranh trong ngành Gas Việt Nam.

Công ty chỉ tập trung đầu tư, phát triển, mở rộng kinh doanh ở phân khúc khí LPG (Gas). Đây là phân khúc có nhiều tiềm năng tăng trưởng nhất trong ngành khí Việt Nam. Theo dự báo, nhu cầu khí thiên nhiên của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng khoảng 7,03% trong giai đoạn 2016 – 2020, trong đó chủ yếu tăng tiêu thụ khí LPG trong dân dụng với tốc độ tăng trưởng 7,6% vào năm 2017. Các phân khúc khí khác trong ngành khí đang đạt tới sự bão hòa và không còn tiềm năng tăng trưởng tốt như phân khúc khí LPG (Gas). Ví dụ, khí tiêu thụ cho

ngành đạm sẽ ổn định do cả hai nhà máy đạm lớn nhất nước là Đạm Phú Mỹ (DPM) và Đạm Cà Mau (DCM) đã sản xuất vượt công suất và thị trường phân đạm trong nước thừa cung. Khí dùng cho ngành điện được dự báo tăng trưởng dưới 1% trong thời gian sắp tới.

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục đầu tư về mặt cơ sở hạ tầng để có những lợi thế nhất định về nguồn cung và giá trong việc phân phối Gas. Công ty có cầu cảng tại sông Đồng Nai để nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1500 tấn/lần. Tháng 6/2015, Công ty đã tiến hành khởi công đầu tư xây dựng tổng kho tồn trữ, nhà máy chiết xuất tại Khu Công nghiệp Hậu Cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam. Dự án được triển khai trên khu đất tổng diện tích :48.980 m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH733978 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/08/2017. Trong đó, phần cầu cảng sẽ được xây dựng để có thể đón tàu trọng tải: 5.000-20.000 DWT. Tổng kho gồm có 02 bồn chứa có dung tích mỗi bồn chứa : 3.040 m³, tổng 2 bồn 6.080 m³. Ngoài ra có 9 bồn nhỏ mỗi bồn có dung tích 117.711 m³ tổng cộng sửa chữa chứa tại dự án đã lắp đặt là 7.139,399m³. Hệ thống sang chiết nạp với công suất 36.000 tấn/ năm. Mục tiêu để mở rộng, chủ động nguồn cung, tiết giảm chi phí vận chuyển, chiếm lĩnh thị phần khu vực miền trung và Tây Nguyên. Tổng mức đầu tư hơn 200 tỷ đồng (từ nguồn vốn tự có và một phần vốn vay) Tổng mức đầu tư đã thực hiện của dự án tính đến 30/09/2017 là 160 tỷ đồng. Tài sản XDCB dở dang tại dự án gồm các hạng mục sau: Cung cấp vận chuyển đất, san lấp mặt bằng, Ép cọc, Kết cấu bê tông đài móng, Kè sông, Nhà văn phòng, Nhà chiết nạp, Nhà bảo vệ, Tường rào cổng ngõ, Hệ thống PCCC, Móng bồn, Sân bê tông, Hệ thống chiết nạp gas, Bồn chứa (dự kiến Quý I/2018 chính thức đi vào hoạt động).

9.3.2 Quy hoạch phát triển ngành khí Việt Nam

Theo quyết định số 60/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 16/01/2017 về Quy hoạch ngành công nghiệp khí Việt Nam đến 2025, định hướng đến 2035, phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam gắn liền với chiến lược và quy hoạch phát triển điện lực quốc gia nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý khí cũng như từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống kho chứa, nhập khẩu và phân phối khí LPG. Đồng thời, xây dựng hệ thống cơ chế chính sách để từng bước chuyển đổi mô hình quản lý ngành công nghiệp khí theo hướng thị trường tự do, hội nhập với thị trường khí trong khu vực và thế giới.

Mục tiêu phát triển:

- Thị trường khí khô: tiếp tục phát triển thị trường điện là thị trường trọng tâm tiêu thụ khí (bao gồm LNG nhập khẩu) với tỷ trọng 70-80% tổng sản lượng khí.

	2016 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2035
Sản lượng khai thác (tỷ m ³ /năm)	10-11	13-19	17-21
Quy mô thị trường khí (tỷ m ³ /năm)	11-15	13-27	23-31
Nhập khẩu LNG (tỷ m ³ /năm)		1-4	6-10

- Thị trường LPG: phân đấu đáp ứng 70% thị phần LPG toàn quốc

	2025	2035
Quy mô thị trường LPG (triệu tấn/năm)	3,5-4,0	4,5-5,0

Bảng 15: Định hướng phát triển ngành khí Việt Nam

Khu vực	Định hướng
Bắc Bộ	Nghiên cứu giải pháp, đẩy mạnh thu gom khí từ các mỏ nhỏ, nằm phân tán trong khu vực để cung cấp cho các hộ tiêu thụ công nghiệp ở Bắc Bộ. Nghiên cứu triển khai cơ sở hạ tầng nhập LNG để duy trì khi nguồn cung suy giảm. Phát triển các nhà máy điện sử dụng LNG theo Quy hoạch điện lực Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
Trung Bộ	Đẩy mạnh phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh để cung cấp cho nhà máy điện khu vực Trung Bộ. Phát triển hệ thống phân phối khí thấp áp, sản xuất CNG/LNG quy mô nhỏ cung cấp cho hộ tiêu thụ công nghiệp khu vực
Đông Nam Bộ	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển các mỏ khí tiềm năng để duy trì nguồn cung cấp cho các hộ tiêu thụ hiện hữu. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò và phát triển để đảm bảo nhu cầu tiêu thụ trong khu vực. Triển khai xây dựng hệ thống kho, cảng nhập khẩu LNG bổ sung nguồn khí trong nước suy giảm.
Tây Nam Bộ	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển khí từ Lô B& 48/95, 52/97 và các mỏ nhỏ khu vực Tây Nam để cung cấp cho trung tâm điện lực mới. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhập khẩu LNG để duy trì nguồn cung cho hộ tiêu thụ và phát triển nhà máy điện sử dụng LNG mới.

(Nguồn: Quyết định số 60/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, VNDIRECT tổng hợp)

Bảng 16: Hệ thống kho chứa LPG giai đoạn 2016-2020 theo định hướng của Chính phủ

Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Địa điểm	Công suất (tấn)	Hình thức đầu tư
Bắc Bộ	Hải Phòng	Đình Vũ	5.000	Xây mới
		Lạch Huyện	40.000	PVGas đầu tư
		Thượng Lý	5.000	Xây mới
	Quảng Ninh	Bãi Cháy	5.000	Xây mới
Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Nghi Sơn	8.000	Xây mới
Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	Thọ Xương	3.000	Xây mới
	Quảng Ngãi	Dung Quất	3.000	Mở rộng 1.000 tấn
Đông Nam Bộ	Bà Rịa – Vũng Tàu	Thị Vải	30.000	PVGas đầu tư
	Bà Rịa – Vũng Tàu	KCN Cái Mép	240.000	Xây mới

Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Địa điểm	Công suất (tấn)	Hình thức đầu tư
Tây Nam Bộ	Long An	Long An	10.000	Xây mới
	Cần Thơ	Trà Nóc	2.500	Mở rộng 1.000 tấn
	Tiền Giang	Soài Rạp	1.000	Xây mới

(Nguồn: Quyết định số 60/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, VNDIRECT tổng hợp)

Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và một kế hoạch phát triển rõ ràng trong giai đoạn 2016-2025 sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho ngành công nghiệp khí phát triển trong tương lai.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty tại 30/09/2017

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Đại học	05	6,67
Cao đẳng	03	4,00
Trung cấp	04	5,33
Công nhân kỹ thuật	20	26,67
Lao động phổ thông	43	57,33
Tổng cộng	75	100

(Nguồn: PMGAS)

10.2. Chính sách với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Tùy theo từng vị trí tuyển dụng và căn cứ vào chức danh công việc, Công ty có yêu cầu riêng về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm.

❖ **Chính sách đào tạo**

Do yêu cầu vận hành và hoạt động trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao nên vấn đề đào tạo về an toàn lao động, tập huấn phòng cháy chữa cháy luôn được công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Đặc biệt, Công ty không chỉ chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề, an toàn lao động cho công nhân mà còn cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

❖ **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo tình hình kinh doanh.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Trong các năm gần nhất, Công ty tập trung vào hoạt động đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, trong 3 năm gần nhất, Công ty sử dụng nguồn lợi nhuận để tái đầu tư, không chi trả cổ tức. Từ năm 2017, Công ty dự kiến sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông phù hợp với các nguyên tắc nêu trên.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Bảng 18: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2015	31/12/2016	% tăng (giảm)	30/09/2017
1	Vốn góp của chủ sở hữu	180.000	330.000	83,33	330.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.549	35.151	233,25	51.608
Tổng cộng		190.549	365.151	90,58	381.608

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2015	31/12/2016	% tăng (giảm)	30/09/2017
1	Vốn góp của chủ sở hữu	180.000	330.000	83,3	330.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.817	32.283	228,9	73.780
3	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19.816	73.943	273,2	88.326
Tổng cộng		209.633	436.226	108,1	492.106

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty tính khấu hao TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 08 năm
- Cây lâu năm 15 năm

Tại thời điểm 01/01/2016, Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas là Công ty con của Petro miền Trung, do vậy tài sản của Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas được cộng vào thành

tài sản chung của cả tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, trong năm 2016, Petro miền Trung thoát bớt vốn tại Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas khiến Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas không còn là Công ty con của Petro miền Trung (chuyển từ công ty con thành công ty liên kết), do vậy tại thời điểm 31/12/2016 tài sản của Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas không còn được cộng vào báo cáo hợp nhất của Petro miền Trung. Vì thế ở phần thuyết minh tăng giảm tài sản cố định phát sinh khoản giảm tài sản của Công ty Cổ phần Dầu khí Vgas số tiền 205.100.122.404 đồng.

❖ **Mức lương bình quân**

Năm	2015	2016	9 tháng 2017
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7	8,5	8,5

(Nguồn: PMGAS)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Do LPG là khí sạch nên không gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, Công ty không phải nộp các loại phí, thuế liên quan đến môi trường.

**Bảng 20: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 Của Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Thuế GTGT phải nộp	25	235	77
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.481	5.657	2.335
3	Thuế thu nhập cá nhân phải thu	74	74	-
Tổng cộng		1.580	5.966	2.412

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng năm 2017)

**Bảng 21: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 của Công ty (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
----	----------	------------	------------	------------

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

1	Thuế GTGT	25	426	361
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.480	6.823	2.505
3	Thuế thu nhập cá nhân	4	-	1.134
Tổng cộng		1.509	7.249	4.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2017)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

Bảng 22: Chi tiết các quỹ Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	15	15
Tổng cộng	-	15	15

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2017)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 23: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Vay ngắn hạn	86.162	131.700	142.694
2	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	7.287
3	Vay dài hạn	-	-	26.007

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng năm 2017)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng cho vay	Giá trị tại 30/09/2017
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hội An	62.040
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	28.350
3	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	45.680
4	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam (vay ngắn hạn)	6.624
5	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam (vay dài hạn đến hạn trả)	7.287
6	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam (vay dài hạn)	26.007

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng năm 2017)

Bảng 24: Chi tiết số dư các khoản vay Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Vay ngắn hạn	103.162	241.298	307.266
2	Vay dài hạn đến hạn trả	20.000	-	27.287
3	Vay dài hạn	59.120	-	50.764

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng cho vay	Giá trị tại 30/09/2017
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hội An	62.040
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	28.350
3	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	45.680
4	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam	6.624
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hội An	86.870
6	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	34.228
7	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hội An	43.473
8	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam	7.287
9	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	20.000
10	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam	26.007
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hội An	637
12	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	24.120

(Nguồn: BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Nhìn vào cơ cấu vốn vay của PMGAS, nhận thấy Công ty sử dụng nhiều vốn vay ngắn hạn để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động. Việc này dùng để phục vụ cho việc nhập khí gas và cung cấp cho thị trường.

❖ **Trích lập dự phòng Hàng tồn kho**

Cuối năm 2015 Công ty có trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự phòng giảm giá với số tiền 652.758.651 đồng. Trong năm 2016 đã bán lượng hàng này và thực hiện hoàn nhập lại. Tại thời điểm cuối năm 2016 đánh giá việc trích lập dự phòng cuối năm thì không cần phải trích lập do giá bán vẫn lớn hơn giá vốn hàng hoá, Vì vậy trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ ghi nhận về việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- ❖ **Tình hình công nợ hiện nay**
- **Các khoản phải thu**

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	60.158	20.434	60.983
2	Trả trước cho người bán	1.090	61.648	58.977
3	Phải thu ngắn hạn khác Lãi cho vay dự thu	13.415	8.662	12.398
4	Phải thu dài hạn khác	11.597	13.084	20.532
Tổng cộng		86.260	103.828	152.890

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Tính đến 30/09/2017, các khoản phải thu đã được thu hồi hoàn toàn. Có những khoản cho vay ngắn hạn cá nhân với đối tượng được vay là người có liên quan đều đã được công ty tất toán. Hằng năm, Công ty đều thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu:

Một số khoản phải thu phát sinh từ năm 2014 và đã tất toán từ năm 2015. Thời điểm lập báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 vẫn trong thời hạn phải thu cho phép, được Ban Giám đốc Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi hiện theo dõi tuổi nợ phải thu theo thời hạn cho phép trong hợp đồng (tuân theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009), ngoài ra Công ty cũng đang quản lý tài sản đảm bảo của bên đi vay. Do đó trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015 không hề phát sinh khoản trích lập dự phòng các khoản phải thu.

Lãi cho vay dự thu:

Lãi từ khoản góp vốn đầu tư số tiền 49.490.000.000 đồng, theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2015 tháng 12 năm 2015 với 2 cá nhân là Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy. Khoản hợp tác đầu tư này đến 30/6/2017 đã tất toán hợp đồng trước hạn và đã thu lại đủ số tiền trên đồng thời có được khoản thu nhập 1.756.501.389 đồng.

Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền Công ty đã bỏ ra ký cược vỏ bình gas của các Công ty không phải thương hiệu sở hữu của Petro để phục vụ kinh doanh khoản tiền này do đến nay Petro Miền Trung đã có thương hiệu PM sở hữu của mình, Công ty đang hoàn tất các thủ tục hoàn trả vỏ cho Công ty TNHH Petrona nay là Công ty Total Gas để thu lại tiền về.

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	39.378
2	Công ty cổ phần TMDV An Hiệp Lợi	5.998
3	DNTN Tân Nhà Việt	1.892
4	DNTN Dịch vụ Gas Hạnh Nguyên	2.626
5	CTCP Đồng Tâm Miền Trung	3.792
6	Đối tượng khác	7.297
Tổng cộng		60.983

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	39.378
2	CTCP Dầu khí V Gas – CN Đức Trọng	289
3	CTCP Dầu khí V Gas – CN Phú Mỹ 1	3
Tổng cộng		39.660

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	CTCP Thương Mại V-Gas	30.000
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	25.381
3	Trả trước cho các đối tượng khác	3.596
Tổng cộng		58.977

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Chi tiết các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

ST	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	CTCPTương Mại V Gas	30.000
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	25.381
Tổng cộng		55.381

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	714
2	Phải thu khác	11.684
Tổng cộng		12.398

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản Phải thu dài hạn khác tại ngày 30/09/2017. Các khoản phải thu dài hạn khác này là các khoản ký cược, ký quỹ tại các Công ty:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty TNHH Petronas	10.745
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	9.235
3	CTCPDầu khí V-Gas	552
Tổng cộng		20.532

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản Phải thu khác tại ngày 30/09/2017 là các bên liên quan

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Ông Nguyễn Tiến Lãng, Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	11.684
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	9.235
3	Công ty cổ phần dầu khí V-Gas	551
Tổng cộng		21.470

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	61.644	31.386	94.556
2	Trả trước cho người bán	1.655	63.166	68.551
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	12.500	164.935	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	18.374	10.152	93.645
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	(1.454)
Tổng cộng		94.173	269.639	255.298

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Tại Công ty TNHH Gas miền Trung (là công ty con của Petro miền Trung) phát sinh hợp đồng mua hệ thống bồn với Công ty TNHH TAIZHOU CITY HUALIAN FOREIGN TRADE. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đã đứng ra giao dịch với Ngân hàng, thế chấp tài sản của cá nhân để ngân hàng mở L/C số 56610370000145 theo thỏa thuận ngày 30/04/2016 (gửi đính kèm) giữa Công ty TNHH Gas Miền Trung (Bên A) và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Bên B). Cũng theo thỏa thuận trên, Bên A chuyển cho Bên B số tiền 79.390.000.000 đồng để Bên B hỗ trợ Bên A trong việc tìm đối tác mua bán, làm thủ tục bảo đảm để mở LC để nhập khẩu bồn Gas tại dự án cảng Tam Hiệp. Sau khi kết thúc hợp đồng mua bán Bên B sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền cho Bên A. Theo kế hoạch đến tháng 2 năm 2018 sau khi thanh toán LC hoàn tất thì Bà Nguyễn Thị Bích Thủy hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho Công ty TNHH Gas Miền Trung, tính đến ngày 30/11/2017 tuy chưa đến thời hạn thanh toán LC nhưng bà Nguyễn Thị Bích Thủy đã hoàn trả lại cho Công ty TNHH Gas Miền Trung số tiền 21 tỷ đồng.

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty cổ phần An Hiệp Lợi	5.998
2	Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung	3.792
3	DNTN Dịch vụ Gas Hanh Nguyên	2.626
4	DNTN Tân Nhà Việt	4.144
5	Công ty TNHH Dầu Khí Xanh	2.253
6	Công ty TNHH Trung Hiếu	1.080
7	Các đối tượng khác	74.663
Tổng cộng		94.556

(Nguồn: BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam – CN Lâm Đồng	743
2	Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam – CN KCN Phú Mỹ I	7
Tổng cộng		750

(Nguồn: BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

- **Các khoản phải trả**

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/9/2017
I	Nợ ngắn hạn	181.368	195.659	214.549
1	Phải trả cho người bán	84.694	48.527	59.105
2	Người mua trả tiền trước	8.703	9.460	10.383
3	Thuế và các khoản nộp nhà nước	1.506	5.893	2.335
4	Phải trả ngắn hạn khác	303	9	32

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/9/2017
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	86.162	131.770	142.694
II	Nợ dài hạn	38.965	64.012	105.750
1	Phải trả dài hạn khác (*)	38.965	64.012	72.456
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	33.294
	Tổng nợ phải trả	220.333	259.671	320.299

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2015, 2016 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khách hàng	Giá trị tại 30/09/2017
1	Công ty cổ phần kinh doanh khí miền Nam – CN Miền Đông	33.460
2	CN Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV KD Sản Phẩm Khí	22.946
3	Phải trả cho các đối tượng khác	2.699
	Tổng cộng	59.105

(Nguồn: BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2017)

(*) Phải trả dài hạn khác: nhận ký cược ký quỹ dài hạn là khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas của các đại lý lấy hàng từ PMG.

Theo Khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 118/2010/TT-BTC quy định về chế độ tài chính và thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh các loại vỏ chai khí dầu mỏ hoá lỏng trên thị trường thì quy định về việc ký cược vỏ chai LPG như trường hợp của PMGAS sau:

1. Về mức ký cược vỏ chai LPG:

Đối với cơ sở kinh doanh LPG chai tự sản xuất vỏ chai LPG để đưa vào kinh doanh LPG thì mức thu thống nhất tiền ký cược chai LPG tối đa không vượt quá 100% giá thực tế xuất kho của thời điểm gần nhất với thời điểm ký cược (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và cộng với chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đưa vào sử dụng (nếu có).

2. Thu tiền ký cược vỏ chai LPG:

Cơ sở kinh doanh LPG chai và kinh doanh vỏ chai LPG khi thực hiện cho khách hàng ký cược vỏ chai thu tiền ký cược vỏ chai LPG phải có Phiếu thu tiền ký cược theo mẫu thống nhất trong toàn hệ thống phân phối, có thông báo bằng văn bản quy định mức ký cược công khai để người tiêu dùng được biết.

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Nợ ngắn hạn	277.239	386.663	630.617
1	Phải trả cho người bán	147.541	125.365	239.227
2	Người mua trả tiền trước	3.555	11.691	10.394
3	Thuế và các khoản nộp nhà nước	1.509	7.249	4.000
4	Phải trả người lao động	567	-	677
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	580	157	157
6	Phải trả ngắn hạn khác (*)	325	858	41.594
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	123.162	241.298	334.553
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	15	15
II	Nợ dài hạn	101.165	154.984	174.203
1	Phải trả người bán dài hạn	-	77.486	-
2	Phải trả dài hạn khác	41.928	73.154	120.391
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	59.120	-	50.764
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	117	4.344	3.048
	Tổng nợ phải trả	378.404	541.617	804.820

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

(*) Tại ngày 30/09/2017, Công ty có khoản phải trả ngắn hạn khác 41.593.880.184 đồng. Trong đó, chủ yếu là tiền mượn cổ đông (Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy) với giá trị 36.534.600.000 đồng. Nguyên nhân của giao dịch trên là do để đáp ứng nhu cầu cung cấp vỏ bình Gas rất lớn của thị trường cho giai đoạn 6 tháng cuối năm và dịp tết nguyên đán, và mở rộng thị trường tại các tỉnh phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long, Công ty đã vay bà Nguyễn Thị Bích Thùy khoản tiền 36.534.600.000 đồng để phục vụ cho việc ký kết hợp đồng sản xuất và cung cấp vỏ bình Gas mang thương hiệu Petro Miền Trung. Giá trị thanh toán của hợp đồng là 33 tỷ. Số tiền còn lại 3.534.600.000 đồng, công ty vay để bổ sung vốn lưu động. Trong tháng 10/2017, Công ty đã hoàn trả bà Nguyễn Thị Bích Thùy 32,5 tỷ đồng.

Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30/9/2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Người bán	Giá trị tại 30/09/2017
1	CTCP Kinh doanh khí Miền Nam – Chi nhánh Miền Đông	106.867

2	TAIZHOU CITY HUALIAN FOREIGN TRADE CO., LTD	77.486
3	CN Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm khí	22.946
4	CTCP Kinh doanh khí Miền Nam – CN Miền Trung	7.934
5	HK RONGWEI TECHNOLOGY CO., LTD	9.351
6	Đối tượng khác	14.643
Tổng cộng		239.227

(Nguồn: BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

❖ **Bất động sản đầu tư**

Do yêu cầu của việc mở rộng của Petro Miền Trung, Công ty đã thực hiện việc mua bất động sản tại địa chỉ 68-74-76 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo hợp đồng ngày 27/2/17, nhằm mục đích xây trụ sở chính của Tập đoàn Petro Center Group. Trong thời gian chưa thực hiện việc xây dựng trụ sở, Petro miền Trung theo dõi tài sản này trên khoản mục Bất động sản đầu tư. Tới thời điểm 30/06/2017, hợp đồng đã hoàn tất, lô đất đã được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Petro Miền Trung.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính trên BCTC hợp nhất

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	9th2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,51	1,03	0,52
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,43	0,99	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,64	0,55	0,62
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,81	1,24	1,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,38	19,85	18,99
Doanh thu thuần/tổng tài sản	lần	0,64	0,57	0,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,48	5,01	6,2
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,60	6,95	7,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,60	2,86	3,0
Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,82	6,54	16,0

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC 9 tháng năm 2017)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty phần lớn có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2015-9 tháng đầu năm 2017. Hệ số thanh toán vẫn còn thấp nhưng thấy rõ có sự cải thiện qua các năm trong khi các hệ số trong nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có mức ổn định. Tuy nhiên, các hệ số trong nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi lại có sự tăng trưởng rõ rệt. Như đã phân tích ở trên, trong 9 tháng đầu năm 2017 Doanh thu tăng mạnh cùng với việc tiết giảm chi phí đã làm cho Lợi nhuận sau thuế tăng tích cực.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT

❖ Ông Nguyễn Tiến Lãng – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	NGUYỄN TIẾN LÃNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/10/1968
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	8G Khối phố 5, phường Hiệp Thành, Q12, TP HCM
CMND	025473008
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung Tổng Giám đốc Công ty TNHH SCT Gas (Việt Nam)
Quá trình công tác	
<i>Năm 2001 đến nay</i>	<i>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung</i>
<i>Năm 2011 đến nay</i>	<i>Tổng Giám đốc Công ty TNHH SCT Gas (Việt Nam)</i>
<i>Năm tháng 4/2013 đến nay</i>	<i>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Sản</i>

	<i>xuất Petro Miền Trung</i>
<i>Từ ngày 28/6/2017 đến 07/12/2017</i>	<i>Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	11.550.000 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>11.550.000 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	5.950.000 cổ phần (Vợ: Bà Nguyễn Thị Bích Thùy - 4.950.000 cổ phần. Em trai: Nguyễn Tiến Đạt – 1.000.000 cổ phần)
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng	Không
❖ Bà Nguyễn Thị Bích Thùy - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Họ tên	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/06/1977
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	53 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
CMND	201300482
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị du lịch
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Năm 2001 đến năm 2010</i>	<i>Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung</i>
<i>Tháng 10/2010 - 27/06/2017</i>	<i>Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung</i>
<i>Từ 8/12/2017 đến nay</i>	<i>xuất Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	11.550.000 cổ phiếu (Chồng: Ông Nguyễn Tiến Lãng)
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng	Không

❖ Bà Hàn Kiều Minh Phương - Thành viên HĐQT

Họ tên	HÀN KIỀU MINH PHƯƠNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	02/01/1977
Nơi sinh	Hải Châu, Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K48/33 Phan Châu Trinh, Đà Nẵng
Thẻ căn cước công dân	201384568
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
Từ tháng 11/2017 đến nay	Thành viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	210.000 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ
- <i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>210.000 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ</i>
- <i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	150.000 cổ phiếu (Chồng: Ông Quách Mẫn Trung)
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được	Không

từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

13.2. Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
2.	Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng giám đốc	
3.	Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc	

❖ **Bà Nguyễn Thị Bích Thùy – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:** SYLL như trên

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Gia – Phó Tổng Giám Đốc**

Họ tên	NGUYỄN HOÀNG GIA
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/07/1988
Nơi sinh	Tỉnh Gia Lai
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tây Sơn, Thành Phố Pleiku, Gia Lai
CMND	230676935
Điện thoại	0907 236 579
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Năm 2007 đến tháng 07/2017</i>	<i>Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam</i>
<i>Tháng 08 năm 2014 đến nay</i>	<i>Tổng Giám Đốc CTCP Dầu Khí Vgas kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>0 cổ phần</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Không

của những người liên quan

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Bà Võ Thị Ánh Nguyệt – Phó Tổng Giám Đốc

Họ tên **VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT**

Giới tính Nữ

Ngày tháng năm sinh 01/01/1981

Nơi sinh Quảng Nam

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 582 Cửa Đại, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam

CMND 205062668

Điện thoại 0915244973

Trình độ chuyên môn Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

Năm 2003 đến năm 2015 Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gas Miền Trung

Năm 2016 đến nay Phó Tổng Giám Đốc Công ty Petro Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 100 000 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân 100 000 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

13.3. Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Linh Thường – Kế toán trưởng:

Họ tên	NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/06/1979
Nơi sinh	Quảng Trị
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Mỹ Hạ, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội.
CMND	045179000004
Điện thoại	0905739719
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Năm 2007 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.4. Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Kim Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Bà Lê Thị Hồng Trang	Kiểm soát viên	
3	Bà Trần Thị Quyên	Kiểm soát viên	

❖ **Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Kim Huệ**

Họ tên	TRẦN THỊ KIM HUỆ
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	16/02/1986
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	An Xuân, Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
CMND	191552895
Điện Thoại	02543 852 752
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP ĐT & SX Petro Miền Trung
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Năm 2008 đến năm 2016</i>	<i>Giáo Viên Khoa Kinh Tế Trường Cao Đẳng Nghề Nguyễn Tri Phương –Huế Nhân Viên kế Toán DNTN Quang Phụ - Huế</i>
<i>Tháng 10/2016 đến tháng 1/2017</i>	<i>Nhân Viên kế Toán DNTN Quang Phụ - Huế</i>
<i>Tháng 2/2017 đến nay</i>	<i>Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP ĐT & SX Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>0 cổ phần</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ **Bà Lê Thị Hồng Trang - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ tên	LÊ THỊ HỒNG TRANG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/11/1985
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
CMND	201539169
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Tháng 10/2016 đến nay</i>	<i>Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ **Bà Trần Thị Quyên – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ tên	TRẦN THỊ QUYÊN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/11/1985
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn 4, Quế Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam

CMND	205260120
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
<i>Tháng 10/2016 đến nay</i>	<i>Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
<i>Sở hữu cá nhân</i>	<i>20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ</i>
<i>Được ủy quyền đại diện</i>	<i>0 cổ phần</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 30: Tình hình tài sản của Công ty 31/12/2016

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	58.886	29.268	29.617
Nhà cửa, vật kiến trúc (***)	12.535	5.015	7.519
Máy móc thiết bị	25.136	13.927	11.209
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.579	10.044	10.535
Thiết bị, dụng cụ quản lý	592	256	336
Tài sản cố định hữu hình khác	42	25	17
2. Tài sản cố định vô hình	2.727	2.070	656
Thương hiệu	2.727	2.070	656

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2016 của Công ty)

Bảng 31: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Danh mục	Diện tích	Loại sở hữu
1.	Lố số 4, Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, Quảng Nam	11.556 m ²	Đất thuê đến 2047
2.	KCN Đông Xuyên, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	7.015 m ²	Đất thuê đến 2043
3.	Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	9.346,12 m ²	Đất thuê đến 2043
4.	Dự án Tổng kho tại Tam Hiệp nằm trong khu kinh tế mở Chu Lai	48.980 m ²	Đất thuê đến 2066
5.	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	29.851 m ²	Đất thuê đến 2043
6.	Số 1/8A đường Châu Văn Lồng, khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	2.386 m ²	Đất sở hữu riêng
7.	Khu đất số 68-74-76 Phố Lê Duẩn thành phố Đà Nẵng	492,2 m ²	Đất sở hữu riêng

(Nguồn:PMGAS)

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 32: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch	% +/- /2016	Kế hoạch	% +/- /2017
Doanh thu thuần (triệu đồng)	550.000	22,97	632.500	15,00
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	33.000	47,13	41.113	24,58
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	469.226	7,56	510.339	8,76
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6,00	1	6,50	0,50
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	7,04	1,87	8,05	1,01
Tỷ lệ cổ tức	5,00	5,00	10,00	5,00

(Nguồn:PMGAS)

Với việc đưa Tổng kho, cầu cảng tại khu kinh tế mở Chu lai đi vào hoạt động, cùng với Tổng kho và cầu cảng tại Biên Hoà, Đồng Nai đang khai thác, PMGAS hiện đã sở hữu 02 cầu cảng liền với Tổng kho tồn trữ dung tích lớn, cùng với hệ thống mạng lưới Tổng kho, nhà máy chiết xuất hiện có tại khắp các tỉnh Miền Trung và Miền Nam, Công ty hoàn toàn có thể chủ động trong việc đảm bảo nguồn cung ra thị trường, kiểm soát và phòng tránh

được các rủi ro về biến động giá của khí Gas thế giới, tiết giảm thời gian và chi phí vận chuyển, nằm trong chiến lược kinh doanh đã đặt ra của Công ty là đẩy mạnh hơn nữa khai thác thị trường miền Trung (hiên đang chiếm trên 60% thị phần phân phối Gas tiêu dùng), mở rộng phạm vi hoạt động tại các tỉnh Tây Nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long với mục tiêu lần lượt là 60% và 30% thị phần Gas tiêu dùng tại các khu vực này. Đồng thời, Công ty định hướng sẽ tiến tới mở rộng thị trường Campuchia.

Cùng với việc có những lợi thế nội trội, để đạt được kế hoạch kinh doanh nêu trên, Công ty dự kiến sẽ có các giải pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 - 2018, cụ thể như sau:

- ❖ Các giải pháp về thị trường
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm trong và ngoài nước, tập trung phát triển ở những khu vực khách hàng trọng điểm.
 - Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống thông qua các chiến dịch chăm sóc khách hàng.
 - Xây dựng và củng cố hệ thống phân phối trên địa bàn kinh doanh một cách đồng bộ, chuyên nghiệp và hiệu quả.
- ❖ Các giải pháp về sản xuất và cung cấp dịch vụ
 - Thực hiện phân phối hàng đầy đủ, kịp thời.
 - Tối ưu hoạt động nhập, tồn, bán nhằm mục đích tăng vòng quay vò, kho, vận chuyển....
 - Đa dạng hoá sản phẩm, gia tăng dịch vụ hỗ trợ cho từng sản phẩm.
 - Củng cố, hoàn thiện và phát triển kênh phân phối, mở rộng thị trường.
 - Hoàn thiện chính sách bán hàng theo hướng phù hợp với từng vùng thị trường.
 - Tổ chức các chương trình quảng cáo, khuyến mại theo quy mô từng khu vực thị trường.
- ❖ Các giải pháp về tài chính
 - Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, giám sát chi phí hoạt động SXKD, kiểm soát công nợ và thời hạn thanh toán.
- ❖ Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo huy động vốn, sử dụng vốn hiệu quả các giải pháp về kỹ thuật - an toàn
 - Tổ chức bộ máy kỹ thuật đảm bảo thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống cung cấp gas cho khách hàng.
 - Xây dựng các định mức kỹ thuật.
 - Nghiên cứu và phát hiện các lĩnh vực có triển vọng trong việc sử dụng gas phục vụ cho công tác mở rộng và phát triển thị trường.

- Huấn luyện an toàn cho các khách hàng.
- Duy trì các hoạt động quản lý an toàn, phòng chống cháy nổ.
- Xây dựng hệ thống thông tin trong toàn Công ty.

16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, VNDIRECT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của PMG cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua và thị phần của Công ty tại miền Trung, thương hiệu Công ty đã phát triển, cùng với những triển vọng phát triển của thị trường gas miền Trung và các tỉnh lân cận, chúng tôi nhận thấy kế hoạch lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đưa ra là hợp lý. Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017 đã vượt qua kế hoạch đề ra của cả năm. Do đó VNDIRECT cho rằng PMG hoàn toàn có thể đạt được kế hoạch của năm 2018.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập được mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư tự mình đưa ra quyết định.

17. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua: Không có

18. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết: Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán:** PMG
- Tổng số chứng khoán niêm yết:** 33.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần hạn chế 6 tháng	Số cổ phần hạn chế 01 năm
1.	Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11.550.000	5.775.000
2.	Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	4.950.000	2.475.000
3.	Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	210.000	105.000
4.	Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	100.000	50.000
5.	Lê Thị Hồng Trang	Thành viên Ban kiểm soát	20.000	10.000
6.	Trần Thị Quyên	Thành viên Ban kiểm soát	20.000	10.000
7.	Nguyễn Linh Thường	Kế toán trưởng	20.000	10.000
Tổng cộng			16.870.000	8.435.000

(Nguồn: PMGAS)

6. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu PMG của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được tính theo các phương pháp khác nhau để các nhà đầu tư có giá lựa chọn tham khảo:

- Phương pháp giá trị sổ sách (Book value)

- Phương pháp so sánh (bao gồm so sánh chỉ số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B) và so sánh giá cổ phiếu trên thu nhập (P/E).

❖ **Phương pháp giá trị sổ sách (Book value)**

Giá cổ phiếu PMG của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được tính theo các phương pháp giá trị sổ sách (Book value), cụ thể như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015, năm 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017, giá trị sổ sách của cổ phiếu PMG tại các thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/9/2017 như sau:

Bảng 33: Giá trị sổ sách của cổ phiếu PMG

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	209.633	436.227	492.105
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (Cổ phiếu) (B)	18.000.000	33.000.000	33.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C)=(A)/(B) (Đồng)	11.646	13.205	14.912

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016, BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017 của PMGAS)

❖ **Phương pháp so sánh**

Thông tin của các doanh nghiệp cùng ngành và quy mô tương đồng được lựa chọn để so sánh như sau:

Bảng 34: Thông tin so sánh của một số Doanh nghiệp cùng ngành phù hợp để so sánh với Công ty

Chỉ tiêu	CNG	TDG
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2017 (triệu đồng)	449.272	169.470
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	26.999.673	12.900.000
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2017 (đồng)	16.640	13.137
Giá cổ phiếu ngày 15/12/2017 (đồng)	28.400	14.000
EPS từ ngày 01/01/2017 đến 30/09/2017 (đồng)	9.916	1.433
P/B	1,7	1,07
P/E	2,86	9,77
P/B bình quân		1,38
P/E bình quân		6,32

(Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 các công ty)

Theo phương pháp này, giá trị cổ phiếu của Công ty được tính theo các công thức sau:

• **Phương pháp P/B**

$$P = B * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo Phương pháp P/B
- P/B bình quân: là hệ số giá chia cho giá trị sổ sách bình quân của các công ty cùng ngành cùng quy mô tương ứng đang niêm yết.
- B: Giá trị sổ sách cổ phiếu PMG tại thời điểm 30/09/2017 theo Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm của PMG là: 14.912 đồng.

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung theo phương pháp P/B = $14.912 * 1.38 = 20.653$ đồng/cổ phần.

• **Phương pháp P/E**

$$P = E * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo Phương pháp P/E
- P/E bình quân: là hệ số giá chia thu nhập mỗi cổ phiếu được tính bằng bình quân của P/E các Công ty cùng ngành cùng quy mô tương ứng đang niêm yết.
- E: thu nhập bình quân của cổ phiếu PMG tại thời điểm 30/09/2017 theo Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2017 của PMG là: 1.258 đồng.

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung theo phương pháp P/E = $1.258 * 6.32 = 7.944$ đồng/cổ phần.

Công ty lấy tỷ trọng bình quân giá cổ phiếu theo 2 phương pháp so sánh P/B và P/E.

Như vậy, Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là $= (20.653 + 7.944)/2 = 14.299$ đồng/cổ phần.

Căn cứ các phương pháp trên, Công ty lựa chọn giá cổ phiếu PMG tại ngày giao dịch đầu tiên dự kiến là 14.000 đồng/cổ phiếu. Việc xác định mức giá chính xác sẽ do HĐQT Công ty thông báo tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đại chúng nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu PMG của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán, trong đó qui định:

- “ - *Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế.*
- *Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*

- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%.
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.
- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại các trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại PMG được phép là 100%. Hiện nay, PMG đang làm việc với Ủy ban chứng khoán để báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo đúng quy định này, do đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài mà PMG đang áp dụng tối đa là 49%. Tính đến 8/12/2017, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại PMG là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của PMG.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế TNDN của Công ty là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

8.2. Đối với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân

❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân

cur trú.

- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0.1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức:
 - ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
 - ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6. Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3972 4568 Fax: (84-24) 3972 4600

2. Đơn vị kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3577 0781 Fax: (84-24) 3577 0787

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục III: Văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.

Phụ lục IV: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất 2015 và 2016 & BCTC riêng và hợp nhất quý III năm 2017.

Các tài liệu khác.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Quảng Nam, ngày 26 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN TIẾN LĂNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

TRẦN THỊ KIM HUỆ



ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG GIANG

